Số 174

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI
1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

MỤC LỤC

* Từ sách nghiên-cứu nhi-đồng đến báo trẻ em — *Hoa-Bằng*
* Đại Nam dật sự (LV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Những ông Nghè triều Lê (CIV) — *Ưng-Hòe*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXXIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Việt nam văn học sử (III) — *Ưng-Hòe*
* Bà chúa lấy chồng, ông hoàng lấy vợ (hết) — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Hai tháng ở gò Óc-Eo (Hết) — *Biệt-lam Trần-huy-Bá*
* Ba người thợ cần mẫn (hết) — *Lê-Thanh*
* Ân tư (tiểu thuyết XXIV) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$70

Sách, báo với nhi-đồng

TỪ SÁCH NGHIÊN-CỨU NHI-ĐỒNG ĐẾN BÁO TRẺ EM

HOA-BẰNG

Loại sách có chút tính cách nghiên-cứu nhi-đồng

Năm 1933, H. B. có ra cuốn sách nhan đề *Vấn-đề nhi đồng*, phụ đề là *Tính sao cho trẻ ra người* (1), trong có những mục như *Tổng luận về vấn-đề trẻ con và hai phái dạy trẻ* (tr. 1-6), *Phạm-vi khoa nghiên-cứu con trẻ* (tr. 7-22), *Sự phát triển thuộc sinh-lý của trẻ con* (tr. 23-40), *Trạng thái của tâm-tình trẻ con* (tr. 41-58), *Chia kỳ giáo-dục trẻ con* (tr. 59-71), *Mục đích dạy thể-thao cho trẻ* (tr. 72-77), *Mấy điều vệ sinh cần biết* (tr. 78-81), *Trau-giồi đạo đức theo tuổi trẻ con* (tr. 82-98), *Thức giả đông tây đối với việc giáo dục* (tr. 99-112) v.v.

Năm 1942, nhà xuất bản Mai-Lĩnh, Hà-nội, có in cuốn *Nguyên nhân các thói xấu của trẻ con*. Tác-giả Cẩm Thạch Lê Đình-Vỹ có ý «... trình với độ-giả ít nhiều duyên cớ chính, quan-hệ nhất, đã nhận xét hằng ngày, rồi cùng với độc-giả tìm cách sửa đổi cả thói xấu của con em ta ấy». (*Lời nói đầu*). Sau khi đã nêu lên vài thói xấu của trẻ như *Không vâng lời, Nói dối, Trộm cắp, Độc ác, Lười biếng, Rút rát*, v. v., tác-giả có nói đến phương-pháp giải-quyết: «Vài ý tưởng về cách chữa các thói xấu» (tr. 125-150). Đó là chỗ cốt-tủy của cuốn sách mà tác-giả đã viết theo kinh-nghiệm của mình.

Cũng năm 1942 ấy, nhà xuất bản Lê-Cường, Hà-nội, có đứng xuất bản cuốn *Giáo dục nhi-đồng* của Đạm Phương nữ sử. Nữ-sử do những tương trai của một người «là mẹ của một gia-đình 11 con, và bà của một đại gia-đình trên 30 cháu vừa nội vừa ngoại» (*Lời nói đầu*, tr. 11) mà góp được «nhiều tài-liệu triết-thực về giáo dục» (tr. 11). Sách chia làm bốn phần: *Tập dưỡng và giáo dục, Đức dục, Trí dục* và *Thể dục*. Ta cũng mong như tác-giả: Sách ấy «sẽ giúp ích cho các cha mẹ, để dạy con...» (tr. 12).

***

Loại sách giải trí cho nhi-đồng

Ngoài loại sách có chút tính-cách nghiên-cứu nhi đồng để đi đến bước giáo dục như trên đã nói ra, ta còn nhận thấy một loại sách giải trí cho trẻ con nữa.

Từ năm 1939, Hội «Trí đức thể dục Nam-Kỳ» có «soạn một bộ sách riêng cho trẻ con đọc, gọi là bộ sách *Ngày xanh*», đã ra được những cuốn như *Đi viếng đền Hùng, Ông thần, v. v.*

Nhà xuất bản Đời nay, phỏng theo loại «*Sách Hồng*» của Pháp, có in ra thứ sách để biếu độc giả «tí hon» như *Ông đồ Bẻ, Con cá thần, Hai thứ khôn, Quyển sách ước, v. v.*

Nhà xuất bản Cộng lực ra loại sách *Hoa mai* cũng là thứ sách giải trí cho trẻ.

Năm 1943, thư-xã Đắc-Lộ có ra cuốn *Trẻ con hái, trẻ con chơi* của Nguyễn-văn-Vĩnh, và cuốn *Truyện trẻ con* của Nguyễn-Văn-Vĩnh, dịch bản *Contes de Perrault*, đều do họa-sĩ Mạnh-Quỳnh vẽ và trình bày.

Tờ *Truyền-bá* của nhà Tân-Dân tuy là một thứ báo nhưng chuyên viết về *Loại sách tuổi trẻ*, nên cũng xếp vào mục này. Cứ như lời tuyên-bố của «Truyền bá» thì báo ấy «muốn làm một công việc cho cái thế-hệ đương chớm nở».

***

Báo nhi-đồng

Về bài «Sách, báo với nhi-đồng» này, đáng lẽ tôi còn phải khảo xét và viết nhiều hơn nữa, nhưng ngặt vì Tri-Tân làm xong số 174 thì ra số Tết, tôi không muốn «bắc cầu» đến sang năm, nên phải vội viết rút để sớm kết thúc vấn-đề này trước khi các bạn cùng tôi mừng đón xuân mới thuở lâm số xuân.

Vậy nay xin đi gặp đến « Báo nhi-đồng » :

Năm 1930, tờ *Phụ nữ tân văn* ra đời. Mỗi số, báo ấy có dành riêng 2 trang cho *Phần nhi đồng*, trong có những mục như « *Bài tiểu luận* », *Các cách chơi giải trí*, *Chuyện cười*, *Câu đố giải trí*, *Chuyện vui con nít*, v. v.

Hình như phần ấy được nhiều gia-đình hoan-nghênh, nên sau đó nhiều tờ báo, cả mấy tờ hằng ngày, cũng mở ra mục mục *Trẻ em*, *phần học-sinh* để đáp lại tiếng đòi gọi của trẻ.

Dần dần lại thêm được vài tên tính đặc lực trong « làng báo nhi-đồng » nữa.

Ngoài tờ *Cậu Ấm* và tờ *Nhi-đồng hoạ hản*, người ta không quên kể đến tờ *Thanh nghị phần trẻ em*.

Từ ngày 15 mai 1941, tờ *Trẻ em* đó ra đời (2). Cứ theo lời tuyên-bố của *Thanh nghị* số cổ động ra ngày 25 avril 194' thì tờ *Trẻ em* ấy có ý gây-dựng « một nền giáo-dục nhi đồng », nhằm theo phương châm : « rèn đúc tính khí ». Mà « muốn rèn đúc tính khí con trẻ » thì báo ấy phác một chương trình gây những đức tính này cho nhi-đồng :

« a) *Về thể dục* :

« 1) tham vận động và mạo hiểm

« b) *Về trí dục* :

« 2) nhận xét và phán đoán cho xác thực

« 3) tham khảo máy móc

« c) *về đức dục* :

« 4) vâng lời và trọng kỷ luật

5) ngay thẳng và trọng lời hứa

« 6) tự lập

« 7) dản (giản) dị

« 8) cố gắng và có nghị lực

« 9) thờ một lý-tưởng : Danh-dự, Gia đình, Tổ-quốc ».

Nhưng tiếc rằng tờ *Trẻ em* đó chưa sống được bao lâu đã phải đình bản, nên chương-trình ấy còn đang ở trong kỳ thí-nghiệm đã phải bỏ dở, chúng ta chưa thể hạ lời phê-bình được.

Đến đây, chúng ta được một nhận xét : hình như phần đông người mình chưa có hứng thú về việc nghiên-cứu nhi-đồng, nhất là đại đa số người làm phụ huynh chưa biết quan tâm đến vấn đề nhi-đồng, nên ít ai chịu nuôi sống cho nhi-đồng lấy một tờ báo đứng-đắn !

***

Tổng kết

Viết đến đây khảo-cứu nhỏ về lịch-sử nhi-đồng-học này (3), trước hết tôi đã mời các bạn đọc thân ái xét qua lịch-sử nhi-đồng-học ở các nước ngoài, rồi sau lại giới thiệu đến những công cuộc có liên-quan đến nhi-đồng ở nước ta.

Về phần ngoại quốc, chúng ta không cần phê-bình làm gì. Duy đối với những việc hoặc bảo hộ nhi đồng, hoặc mở trí nhi đồng, hoặc nghiên cứu nhi-đồng ở xứ này, ta không nên không có đôi lời phê-phán :

Về phương diện xã-hội làm việc từ-thiện cho nhi đồng, ta thấy mới chỉ là làm việc nuôi dưỡng một số trẻ con, cố gắng lắm là đủ cho một số rất ít đó được no cơm ấm áo. Đến như chương-trình của Pestalozzi ở Thụy-sĩ xưa, vừa nuôi trẻ, vừa nghiên cứu trẻ thì thật chưa có.

Những sách, báo cho trẻ đọc hầu hết viết còn cao quá, khó quá, và lời-lẽ « văn chương » quá, tỏ ra nhiều nhà cầm bút còn quên rằng mình đang viết sách cho trẻ đọc.

Một số ít sách tuy có liên-quan đến nhi-đồng, nhưng mới chỉ là mấy nét phác sơ về việc dạy trẻ, chứ chưa thấy có một công trình nào nghiên-cứu nhi-đồng cho thật đến nơi đến chốn rồi đem những cái đã khảo sát được mà cống-hiến với đời.

Trong học giới chưa thấy một ai chịu theo sở thích, sở năng mà chuyên tâm chú ý vào một phương-diện nghiên-cứu nhi-đồng mà làm « nhi-đồng học-giả. »

Có lẽ vì những lý do ấy, trên trang lịch-sử nhi-đồng-học Việt-nam, ta chưa ghi được mấy nét quan trọng !

Vậy mong những nhà y học và những nhà sư phạm có nhiều tâm với tương lai của đất nước nên để ý chăng hơn đến vấn đề nhi đồng mà gia tâm nghiên-cứu hoặc về sinh-lý cũng tâm lý của trẻ, hầu cho sau này, nhân đó, ta sẽ tìm lấy những phương pháp giáo dục nhi đồng được thích nghi hơn, hoàn hiện hơn. Lại mong những bậc phụ huynh cũng nên gây lấy cái hứng thú nghiên cứu nhi-đồng để mai sau góp thêm những cái sở đắc vào môn « nhi đồng-học » Việt-nam.

BOA-BẰNG

---

1) Trung-kỳ, Hà-nội, n..

2) Theo tài liệu trong thư ông Vũ Đình Hòe đề ngày 18-12-1944 Xin kính tạ.

3) Coi Tri-tân những số 163, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, và 174 nhy.

ĐẠI NAM DẬT SỬ

Số 56 *Ứng bản* NGUYỄN VĂN-TO

XXXIV — Lý Thái-tông tức Phật-Mã

Tên húy là Phật-Mã, lại có tên nữa là Đức Chính, là con trưởng Lý Công Uẩn, mẹ là người họ Lê. Sinh ở phủ Trường yên ngày 26 tháng 6 năm canh tý là năm thứ 7 hiệu Ứng thiên 1000) đời Lê-Đại Hành.

Năm 1009 Lý-Công-Uẩn mới làm vua lập Phật-Mã làm thái-tử. Năm 1012 phong thái-tử làm Khai-thiên vương. Mồng 3 mậu-tuất) tháng 2 năm thứ 19 hiệu thuận-thiên (1028) Công Uẩn mất: các quan trong triều phụng di-chiếu (tờ chiếu của vua để lại, cũng như di-chúc của thường-dân) đến cung Long-đức rước thái tử lên ngôi vua.

Lúc ấy Đông-trình-vương tên Lực, Dự thánh-vương và Vũ-đức vương (ba người đều là con Công Uẩn) nghe thấy vua cha đã mất, đều đem quân của phủ mình vào cấm thành: Đông-trình-vương thì phục ở phía trong Long-thành Đực thành vương và Vũ đức vương thì phục ở mé trong cửa Quảng-phúc (tức cửa tây kinh-thành), đợi thái tử đi vào thì đánh ập hậu được một chốc, thái-tử từ cửa tường phủ (cửa đông kinh-thành) vào đến Kiền-nguyên điện (ở trong thành Thăng long phía trước cả cung điện, là nơi các quan vào chầu) nghe có biến, sai nội thị đóng tất cả cả cửa điện, và sai vệ-sĩ trong cung phòng bị, rồi bảo các quan tả hữu rằng: « Ta đối với các em không có một tý gì là phụ các em, thế mà ba vương làm điều bất-nghĩa, quên đi mệnh của tiên-đế, muốn cướp ngôi báu, để nguy đến xã-tắc, các ngươi tính thế nào?» Nội thị là Lý-nhân-Nghĩa thưa rằng: « Nghĩa anh em thì bên trong có cùng nhau hợp mưu thì bên ngoài mới có thể chống cự được với kẻ khinh-nhờn. Nay ba vương đã như thế, còn có thể coi là anh em được đâu? Tôi xin đánh một trận, để quyết được thua ». Thái-tử nói rằng: « Ta lấy làm xỉ, vì ngọc-thể tiên-đế chưa lạnh lẽo, mà chỗ cốt nhục đã tàn-hại lẫn nhau, e ngày sợ thiên-hạ đời sau chê cười hay sao? » Lý nhân-Nghĩa thưa rằng: « Tôi nghe làm việc xa thì quên công gần, giữ đạo công thì phải bỏ lòng yêu riêng. Ngày xưa Chu-công giết Quản thúc và Thái-thúc (em Chu công) để yên nhà Chu, Đường Thái-tông giết Kiến-thành, và Nguyên-cát để giữ nhà Đường đều là những việc bất-đắc-dĩ. Nay Điện hạ (ở ta thì gọi là bệ-hạ, thái-tử hay tước vương thì gọi là điện-hạ) có thể làm theo việc Chu công-Đán và Đường Thái-tông, thì người ta sẽ tranh nhau mà ca-tụng công đức, chứ việc gì mà chê cười? » Thái-tử còn do-dự chưa quyết, Lý Nhân-nghĩa lại tiến lên thưa rằng: « Tiên-đế cho Điện-hạ là người có thiện, đủ đề nối chí, có tài đủ để làm xong việc, cho nên mới đem thiên-hạ phó thác cho Điện-hạ. Nay giặc đã vây đến cửa cung mà còn ẩn-nhẫn như thế, thì đối với việc Tiên-đế phó-thác ra sao? » Thái-tử nín lặng hồi lâu, rồi bảo Lý Nhân-nghĩa, và cung-thần là Dương-Bình, Quách-Thịnh, Lý Huyền-Sự, và Lê Phụng-Hiểu rằng: « Ta há lại không biết việc làm của Đường Thái, Chu-công, nhưng ta muốn nó tự lui quân phục, để toàn cái tình cốt nhục của ta là hơn.

Lúc bấy giờ quân ba phủ (tức ba tước vương) đánh gấp, thái-tử tự biết không thể trị nổi, bảo bọn Nhân-nghĩa rằng: « Sự-thế đã như vậy, ta còn mặt mũi nào trông thấy ba vương, nay ta chỉ biết phụng-sự Tiên-đế, còn ngoài ra giao cho các ngươi tất cả. » Bọn Nhân-nghĩa đều bái lạy nói rằng: « Chết về nạn của vua, là chức phận của lũ chúng tôi, nay là việc đáng chết, lại còn nói gì nữa? » Rồi sai vệ-sĩ trong cung mở cửa để đón đánh, ai cũng vui lòng ra đánh, thật là một người địch với trăm người.

Đang tiếp chiến, chưa quyết được thua, thì Lê Phụng-Hiểu tức giận, tuốt gươm ra thẳng đến cửa Quảng-Phúc (cửa tây trong thành) nói to lên rằng: « Bọn Vũ-đức-vương, dòm-dỏ thần-khí, khinh miệt tự-quân, trên quên ơn Tiên-đế, dưới trái nghĩa thần tử! Vì thế tôi là Phụng Hiểu xin dâng lưỡi kiếm mà ». Vừa nói vừa sông thẳng vào chém, trúng ngựa của Vũ-đức-vương. Vũ-đức quất ngựa lui để tránh, nhưng vì ngựa quẻ, nên Phụng-Hiểu giết chết Vũ-đức: quân ba phủ thua chạy, quan quân

đuổi theo chém giết, không xót một mống, duy Đông-trình-vương và Đực-thánh-vương thoát chết.

Phụng-Hiểu trở về, cứ đề y nguyên nhung-phục đến lạy trước cửu Lý Thái-tổ, rồi sang điện Kiền-nguyên thưa với thái-tử ; Thái-tử yên-ủi rằng : « Ta sở dĩ được nối nghiệp-lớn của Tiên-đế, được toàn cái di thể của cha mẹ (thân-thể ta là của cha mẹ xót lại), đều là nhờ sức của ngươi. Ta xem *Đường-sử*, thấy Uất-trì-kính đức là người dẹp xong nạn của vua, tự cho là nhân-thần đời sau không ai vì kịp. Ngày nay gặp nạn, mới biết cái lòng trung dũng của Lê Phụng-Hiểu gấp Kính-Đức biết bao nhiêu ! » Phụng-Hiểu hai lạy thưa rằng : « Đức của Điện-hạ cảm đến giới đất, người nào dám mạnh tâm cản rỡ, thì thiên-hạ thần-kỳ đều gia sức giết chết, chứ chăng tội có sức gì đâu ».

Phật-mã được làm vua, toàn là nhờ Phụng-Hiểu, nhân tiện chép chuyện Phụng-điểu. Ông là người làng Băng-sơn, châu Ái (nay xã Đường-sơn, huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa). Lúc nhỏ là người hàng-dũng. Nguyên có hai thôn Cổ-bị và Đàm-xá tranh nhau địa giới, thường đem khí-giới đánh nhau mãi mà không phân được thua. Phụng-Hiểu bảo các phụ-lão thôn Cổ-bị rằng : « Một mình tôi có thể đánh được bọn họ ». Các phụ-lão mừng, sai đón gian làm cỗ và đem rượu ra khuyến-đãi : Phụng-Hiểu ăn bữa cơm, « hết vài đấu gạo » (?) uống rượu, lúc chưng, rồi ra khiêu chiến với người thôn Đàm-xá một mình nhảy tốt nhổ cây tre để đánh. Người thôn Đàm-xá bị thương rất nhiều, sau không dám đến gần nữa, bèn giả lại ruộng cho thôn Cổ-bị. Lý Thái-tổ từ Công Uẩn nghe tiếng, vời đến cho làm tướng, dần dần thăng đến chức Vũ-vệ tướng-quân. Khi thái tử Phật-mã lên ngôi (1028), Phụng-Hiểu có công dẹp nạn, được thăng đô-thống thượng-tướng-quân, tước hầu. Năm giáp thân (1044) theo vua Thái tông đi đánh Chiêm thành, sung làm tiền phong, đánh được quân giặc, bắt được chúa Chiêm-thành là Sạ-đẩu, nổi tiếng với các nước láng giềng. Đến khi Khải-hoàn (đi đánh giặc được, khi trở về gọi là Khải-hoàn) định việc thưởng công Phụng-Hiểu nói rằng : « Tôi không muốn tước trật gì, chỉ xin đứng trên núi Băng-sơn, cầm con dao to, ném xa, nghiệm xem dao dơi chỗ nào, tôi xin cho tôi chỗ đất ấy để làm biệt nghiệp ». Vua bằng lòng cho, Phụng Hiểu lên núi cầm dao ném một cái, xa mười dặm, dơi xuống làng Đa-mi, Vua liền cho làm tư điền, tha thuế thóc « ruộng ném dao », cho nên từ bấy giờ trở đi, người châu Ái có ai được thưởng công, thường lấy hai tiếng « ném dao » để truyền tụng. Sau khi Phụng Hiểu mất, người làng lập đền thờ (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 28 b và *Ngự chế Việt-sử tổng-vịnh*, q. 7 tờ 2 a và đến 4 a).

Phụng Hiểu và các quan dẹp xong nội nạn, đến tháng sau (ngày kỷ hợi, tức mồng 4 tháng 8 năm mậu thân 1028) Thái tử Phật-Mã lên ngôi hoàng đế ở trước linh cữu Thái tổ. Tôn mẹ là họ Lê làm Linh hiền hoàng thái hậu, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu làm năm thứ nhất hiệu Thiên-thành. Ngày hôm ấy Đông trình vương và Đực-thánh vương đến cửa quyết xin thú tội, vua Thái tông ban chiếu tha tội và cho phục lại tước vương.

Quần thần dâng tôn hiệu là « Khai-thiên thống-vận tôn-đạo qui-đức thánh-văn quảng-vũ sùng-linh thượng-thiện chính-lý dân an thần phù long-hiện thể nguyên ngự-cực ứng tuế (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 29 a chép là : ức tải) công cao ứng-chân bảo lịch thông-huyền chí-đạo hưng-long đại-định thông minh từ-hiếu hoàng đế » (cộng 48 chữ) (*Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 2, tờ 14 a-b).

Vì mới lên ngôi, nên ban ơn thiên hạ phát tiền lụa trong kho cho dân gian, phong tước vương cho thần núi Đồng-cổ, lập miếu để thời thường cúng tế, và làm lễ minh thệ. Nguyên khi Đông-trình, Vũ-đức và Đực thánh làm phản, triều đình không ai biết cả. Đêm hôm trước vua Thái-tông mộng thấy thần núi Đồng-cổ nói rằng : Vũ-đức, Đông-trình, Đực-thánh làm loạn. Mau mau điều binh để đánh ». Đến khi tỉnh ra, quân sĩ phòng bị, quả nhiên có việc làm phản, cho nên đến đây ban chiếu các quan hữu-ty lập miếu ở phía tả chùa Thánh-ân, bên hữu thành Đại-la. Ngày 25 tháng bảy năm ấy (1028) bay dân ở trong miếu,

(Xem tiếp trang 21)

GIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 108

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

4. Nguyễn-hồng-Tiệm, người xã Đồng-xá (theo bia Văn miếu), huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách trấn Hải-dương, *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 15 b) in là xã Đồng-nấm. *Đăng khoa bị khảo* q. Hải-dương tờ 62 b) chép là xã Đồng-đồ. Nguyên «hòa» bằng chữ «nhiệm» là chữ «nấm», «hòa» bằng chữ «dự» là chữ «đồ», chỉ khác nhau có vài nét. Còn như chữ «xã» thì giống có một nửa chữ «dự» và chữ «nhiệm», mà không có chữ «hòa» ở bên. — Ông Nguyễn-hồng-Tiệm đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa mậu-dần (1518). Làm quan đến Hình bộ ả-thị lang (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 15 b).

5. — **Nghiêm-văn-Hậu**, người xã Hà-lễ, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc ninh). Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan đến tham-chính, trí sĩ. Đến khi nhà Lê mất, ông không chịu theo Mạc, thọ tám mươi tuổi mất ở nhà riêng (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc tờ 36 a)

6. — **Lê-vô-Địch**, người xã Thiên-hiều (sau đổi là xã Thiên-lộc), huyện Yên-lãng, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan đến Hộ-khoa đô-cấp sự-trung. Là em Lệ vô-Cương đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1511. Anh em cùng đỗ đại khoa, cùng làm quan một triều (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 46 a).

Khoa 1518 có tám ông đỗ đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ xuất thân như sau này:

1. — **Nguyễn-Độ**, người xã Phù-vệ, huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Năm ba mươi sáu tuổi đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan với nhà Mạc, đến bức thượng-thư kiêm đô ngự-sử, được phong tước hầu. Sau vì có tội bị cách chức (*Đăng khoa bị khảo* q. Hải dương, tờ 3 b)

2. — **Nguyễn-cư-Nhân** người xã Ông lâu, huyện Lang-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Nhà ở làng Lương-xá. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan với Mạc đến chức Công-bộ thượng-thư, kiêm đông-các đại-học-sĩ, tước Đạm hà hầu (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 125 a); *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 16 a) chép ông kiêm «chưởng Hàn lâm viện-sự».

3. — **Nguyễn-Củng**, người xã Hoàng-dôi, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan với nhà Mạc, đến chức thị lang (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 16 a).

4. — **Đỗ-Dương**, người xã Quang-bị, huyện Gia-lộc (nguyên trước là Trường-tân) phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương, Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan đến tham-chính. Là anh Đỗ tam Cương đỗ đồng tiến sĩ khoa 1523. Anh em cùng đỗ đại-khoa, cùng làm quan một triều (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 16 a).

5. — **Vương-Hoành**, người xã Ngô đạo, huyện Tân-phúc (theo bia; *Đăng khoa lục* chép là Tân-phong, có hồi đổi là Tiên-phúc), phủ Bắc-hà, trấn Kinh bắc Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518 Làm quan với Mạc, đến chức thị lang (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 16 a)

6. — **Nguyễn-hòa-Trung** người xã Tam-sơn, huyện Đông ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1518; anh ruột là Nguyễn-Tảo cùng đỗ một khoa. Làm quan đến chức tả-thị-lang; lúc bấy giờ Mạc Đăng-Dung thoán-vị, ông Hòa Trung nói rằng: «Trung thần không thờ hai vua lẽ nào lại đem thân mà thờ kẻ thù?», tôi chết theo việc nước. Sau nhà Lê trung hưng (1533-1548) bao phong các bậc tôi tiết-nghĩa ông cũng được dự. Là con Nguyễn-Khiết-Tú đỗ nhị giáp khoa 1496 là cháu gọi Nguyễn-Đức đỗ tam giáp khoa 1487) bằng bác. Là em họ Nguyễn Hy-Tái (đỗ nhị giáp khoa 1511) và Nguyễn Tự-Cường (đỗ nhị giáp khoa 1514) (*Đăng-khoa bị-khảo*. q. Kinh bắc tờ 36 a-b).

7. — **Ngô Doãn-Trù** (hoặc Đảo), người xã Bắc-lý (theo bia; còn sách chép là xã Ngọ xá), huyện Yên-việt, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan đến chức đoán-sự (*Đăng-khoa lục*, q 2, tờ 16 b).

8. — **Nguyễn-Tảo**, người xã Tam sơn, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa (1518). Làm quan với nhà Mạc, sáu bộ thượng-thư đều có làm qua, lĩnh chức thừa-chính-sứ trấn Hải-dương. Là em ruột Nguyễn hòa-Trung vừa nói trên này (*Đăng khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 36 b): thế là hai anh em, một người theo Mạc, một người không chịu theo.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu để đính chính những dị văn cổ

Số 79

Ông-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều *(bài nối)*

Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh (1920, tr. 187 ; 1943, tr. 746) và kinh-bản của cụ Kiều-oanh-Mậu đều là *Đoạn trường tân thanh* (tờ 92 a) chép là : « Trời còn để cỏ hôm nay, Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời. Phường-bản của Quán-văn-đường, (tờ 93 b), *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Trường Bác-cổ, số AB 233, q. 3, tờ 49 a) và *Vương Kim diễn tự* (AB 234, tờ 33 b) đều chép «...Tan sương biếc ngọ đám mây giữa trời.»

— Hai bản quốc-ngữ, phường-bản và *Vương Kim diễn tự* đều chép : « Hết lời khôn lẽ chối lời, Gót đầu nàng những ngẩn dài thổ thân ». Kinh-bản chép là « Hết lời khôn lẽ dứt lời... » *Kim Vân Kiều chú* chép là « Hết lời khôn lẽ dứt lời, Gót đầu nàng những ngẩn dài thổ thân ».

— Đến câu dưới, thì phường-bản, *Kim Vân Kiều chú* và hai bản quốc-ngữ chép là « Nhà vừa mở tiệc đoàn viên, Hoa soi ngọn đuốc hồng chên bức là ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Đoàn-viên mở tiệc nhà lau, Hoa soi ngọn đuốc hồng trăng bức là ».

— Phường-bản, *Kim Vân Kiều chú* và *Vương Kim diễn tự* chép là « Cùng nhau giao-bái một nhà, Lễ đà đủ lễ, đôi đà đủ đôi ». Bốn chữ dưới, kinh-bản và quốc-ngữ cũ chép « đôi đà xứng đôi » có lẽ hay hơi. Còn như quốc-ngữ mới (tr. 748) chép là « đôi là đủ đôi » thì chữ « là » ấy nhầm.

— Các bản đều viết : « Những từ sen ngó đào tơ, Mười lám năm mới bây giờ là đây ». Hai chữ « sen ngó » kinh-bản chép là « trên ngọn », và chú nghĩa rằng : « Kể từ khi Kim Trọng nhặt được thoa ở trên cành đào, đến nay là 15 năm, nên gọi là trên ngọn đào tơ. Phường-bản chép là « sen ngó » thì không đúng » (định thanh trong tầng kinh bản, tờ 79 a).

— Câu « Cành khuynh đóa gấm rủ thao. Dưới đèn tỏ rạng mặt đào thêm xuân », phường-bản chép là « tỏ nghĩa ».

— Đến câu dưới là câu « Tình-nhân lại gặp tình-nhân, Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình », kinh-bản chép là «...Hoa xưa bướm cũ mười phân chung tình ».

— Câu « Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi, Chiều lòng gọi đó xướng-tùy mấy-may », kinh bản chép là « Chiều lòng gọi chút xướng-tùy mấy-may ».

— Đến câu dưới « Riêng lòng đã thẹn lắm thay, Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi », quốc-ngữ mới (tr. 751) chép là « Cũng là » thì không đúng.

Kinh-bản và quốc ngữ mới (tr. 751) chép « Những như âu yếm vành ngoài ». Quốc ngữ cũ (tr. 289) chép là « vòng ngoài ». Phường-bản chép « Những là âu-yếm bề ngoài ». *Kim Vân Kiều chú* chép « Những là âu-yếm vòng ngoài ».

Ba bản quốc-ngữ, kinh bản và phường bản đều chép « Lại như những thói người ta, Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa ». *Kim Vân Kiều chú* chép là « Vớt hương dưới nước ». *Vương Kim diễn tự* chép là « Nhặt hoa dưới đất » và chú rằng : « Cổ bản viết là « Vớt hương đáy nước ».

Phường bản và quốc ngữ mới (tr. 752) chép « Cũng dơ giở nhuốc bày trò ». Quốc ngữ cũ (tr. 189) chép là « Khéo thay rở ruốc bày trò ». Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Khéo là » Đến câu « Còn tình đâu nữa là thù dẫy thôi », phường bản chép « mà thù » thì nhầm.

Phường bản và quốc ngữ cũ (tr. 189) chép « Còn nhiều ân-ái chan-chan, Hay gì vẫy cánh hoa tàn mà chơi ? » Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Hay gì vẽ cái hoa tàn mà chơi ? » Quốc ngữ mới (tr. 754) và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Vẫy cái hoa tàn »

Hai bản quốc-ngữ và *Kim Vân Kiều chú* chép « Xót người lưu-lạc bấy lâu, Tưởng thề thốt nặng cũng đâu đớn nhiều » Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « nhẹ đâu đớn nhiều ». Phường bản chép là « mà đâu đớn nhiều ».

— Đến câu dưới, hai bản quốc ngữ chép là « Tương nhau sinh tử đã liều, Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình ». *Vương Kim diễn tự* chép là « Cùng nhau sinh tử... ». Kinh bản chép cũng như thế, chỉ khác có chữ « chút », chép ra chữ « thiếu ». Phường-bản và

(Xem tiếp trang 23)

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 3

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đến tiện thứ hai ở quyển *Việt-Nam văn-học sử-yếu*, ông Dương Quảng Hàm nói về « ảnh-hưởng của nước Tàu ». Ông chia thiên ấy ra làm năm chương. Chương thứ nhất đề là « Văn-chương cổ-điển; những điều giản-yếu về các sách giáo khoa cũ để học chữ nho, thứ nhất là cuốn *Tam tự kinh* ». Kỳ này bàn riêng về chương ấy.

Ông Hàm kể những sách của người Nam ta làm ngày xưa để dạy chữ nho, có cuốn *Nhất thiên tự*, *Tam thiên tự*, *Ngũ thiên tự*, *Sơ học vấn tân* và *Ấu học ngũ-ngôn thi*. Tôi thiết tưởng nên kể cả quyển *Nhật dụng thường đàm* và quyển *Tự-học giải-nghĩa ca*, là những sách đã lưu-hành được hơn trăm năm nay. Quyển *Nhật dụng thường đàm* của ông Phạm-đình Hồ (1758-1828), in lại năm 1848, chia ra từng mục, từ thiên-văn (giời), địa-lý (đất), cho đến thảo-mộc (cây cỏ), trùng-loại (loài sâu), cộng ba mươi hai mục, là một quyển dạy tiếng-một, nhặt những tiếng thường dùng hàng ngày, như mục thiên-văn thì chép *Thiên* là giời, *Tiêu* là da giời, *Nhật* là mặt giời, v. v.; mục địa-lý thì chép *Địa* là đất, *Thạch* là đá, *Sa* là cát, *Nê* là bùn, v. v., rất tiện-lợi cho những người muốn học tắt. Chính tác-giả cũng cho là để dạy học-trò: « Nhân cử nhất dụng thường đàm, thụ chi môn-nhân », nghĩa là « nhân lấy những câu nói thường dùng hàng ngày, để dạy học-trò » (câu này ở bài tựa quyển *Nhật dụng thường đàm*).

Quyển *Tự học giải-nghĩa* của vua Tự-đức (1848-1883) soạn ra, cũng chia ra từng môn loại, như mục Khâm-dư (giời đất), mục nhân-sự (việc người), cho đến mục thảo-mộc (cỏ-cây), trùng ngư (loài sâu, cá). Lối văn cũng như *Nhất thiên tự* hoặc *Ngũ thiên tự*, chữ nào nghĩa ấy, đặt thành ca trên sáu dưới tám. Xin trích mấy câu mở đầu ở mục Khâm-dư như sau này: « *Thiên* giời *Địa* đất *vị* ngôi, *Phú* cho *tái* chở *lưu* trôi *mãn* đầy, *Cao* cao *bác* rộng *hậu* dầy, *thần* mai *mộ* tối *chuyển* xoay *di* dời ».

Về quyển *Nhất thiên tự*, Ông Hàm nói: « Các chữ sắp đặt không theo thứ-tự gì và các câu không có ý nghĩa gì » (tr. 23), rồi ông « trích lục mấy câu đầu » là: « *Thiên* trời *địa* đất *vân* mây, *vũ* mưa *phong* gió *trú* ngày *dạ* đêm *tinh* sao *lộ* móc *tường* điềm, *hưu* lành *khánh* phúc *tăng* thêm *đa* nhiều ». Như thế mà ông cho là không có « thứ-tự » và không có « ý-nghĩa » thì có lẽ không đúng, vì chính quyển *nhất thiên tự* là quyển *Thiên-tự giả-âm ca* của ông Edmond Nordemann in ra chữ nho và quốc-ngữ và dịch ra chữ Pháp (ông Hàm có dẫn vào sách của ông ở trang 30-31), trong có dịch nghĩa thành câu thành mạch rất là rõ-ràng. Hai câu đầu giải-thích ra như sau này (chữ nào in *nghiêng* là chữ cái: « Trong *giời đất* có *mây*, *mưa* và *gió*, chia ra *ngày đêm*; *sao* và *móc* (giọt sương mùa xuân) thường có *điềm*; *điềm tốt* được *thêm nhiều* phúc » (bản dịch của ông Nordemann khác vài chữ).

Câu nào cũng có « ý nghĩa », nên cuốn *Nhất thiên tự* có đến 1015 chữ, chứ không đúng một nghìn. Nếu là tiếng một thì không cần phải đặt thêm ra như thế. Câu cuối cùng là: « *Tự* từ *chỉ* gót *đầu* đầu, *Chám* răn *hối* dạy *thâm* sâu *trầm* chìm, *chú* chua *suyết* nối *thiêm* thêm, *liễu* rồi *tất* hết *dịch* tìm *ký* ghi », nghĩa là « *từ đầu* chí *cuối* (cuốn sách *nhất thiên tự* này) lời *răn dạy thâm trầm*, phải *chua* từng chữ, *nối thêm* vần, *xong tất cả*, lại phải *tìm* nghĩa mà *ghi* nhớ » (tôi dịch khác ông Nordemann một vài chỗ).

Cuốn *Tam thiên tự* và *Ngũ thiên tự* cũng thế. Bà ông Hàm không đồng ý với ông Nordemann, cứ cho là chữ một, nghĩa một, cũng nên xóa câu « không theo thứ tự gì và không có ý nghĩa gì » (in ở tr. 23 và 24 trong sách của ông), vì sách của ông là sách dạy học, chỉ nên chép những điều chắc chắn.

Đoạn nói về cuốn *Ấu-học ngũ ngôn thi* có câu « ...tả cái mộng-tưởng của một người học trò mong thi đậu trạng-nguyên, bởi thế cuốn ấy cũng gọi là *Trạng - nguyên thi* » (tr. 25). Tôi tưởng cứ nói là « tả cái lòng của một người học trò mong thi đỗ trạng nguyên » cũng đủ rõ; chữ « mộng tưởng » với chữ « mong » trùng nhau, nếu cần phải dùng đến, thì ở đây đặt chữ « kỳ vọng » còn hơn chữ « mộng tưởng ».

Nội sách của Tàu làm ra mà xưa ta dùng để học chữ nho, ông

Hàm kể cuốn *Thiên tự văn*, cuốn *Hiếu kinh*, nhưng ông cho cuốn *Minh tâm bảo giám*, *Minh đạo gia huấn* và *Tam tự kinh* là thông dụng hơn cả. Tôi tưởng nên thêm cả cuốn *Chư Bá Lư trì gia cách-ngôn*. Cuốn ấy, ông Nordemann có in ra chữ nho chữ quốc ngữ và dịch ra chữ Pháp từ năm 1908, là sách dạy con cháu trong nhà, đủ các đức tính cần kiệm, hiếu từ liêm nhẫn, nhân minh, cần hậu, trung trinh, cho nên bất cứ người Tàu hay người Nam, hễ biết chữ nho không ai là không thích bài cách-ngôn ấy: có người khắc riêng ra bản in, có người khắc thành bảng sơn son thếp vàng cho đẹp, phần nhiều viết làm tứ bình treo chỗ nhà khách, vừa là ngoạn mục, vừa để răn mình. Xin trích câu đầu như sau này: « Lê-minh tức khởi, sái tảo đình trừ, yếu nội ngoại chỉnh khiết. Kỷ hôn tiệu tức, quan tỏa môn hộ, tất thân tự kiểm điểm... », nghĩa là: « Khi mờ sáng dậy ngay, tưới nước quét sân thềm, cốt phải trong ngoài sạch sẽ gọn gàng. Đã tối rồi thì nghỉ, việc thẹn khóa cửa ngõ, tất phải tự mình kiểm-điểm... »

Đến cuốn *Tam-tự-kinh* ông Hàm kể mục-lục ra một trang sách, giả ông lấy các ý-chính mà lược lại một bài, như ông H. Simard (*L'éducation d'après le Tam-tự-kinh*, đăng trong *Revue pédagogique* năm 1905, in lại ở Hà-nội năm 1906), thì có lẽ ích hơn. Lời của ông Simard (tr. 38-39) dịch như sau nầy: « Nếu ta đem những cách-thức răn dạy còn chép ở sách *Tam-tự-kinh* so-sánh với chương-trình của người Pháp ta, thì chắc là phải ngạc-nhiên về những điều thiếu-thốn và khác nhau. Những chỗ chỉ-dẫn về các điều thực-nghiệm hay khoa-học, thì không rõ, đặt lại văn-tắt, cách xếp thứ-tự lầm cho ta lạc đường. Nhưng có nhiều chi-tiết vụn-vặt, không những về cách giữ gìn cho sạch-sẽ, lại cả đến lễ-pháp và lễ ngoại là những phép-tắc hay câu-nệ về hình-thức. Song ta chớ nên quên rằng: Những cách thứa ấy, tuy mới sửa đổi lại, mà đã có từ mười thế-kỷ nay, vẫn thi-hành đến tận bây giờ. Vả lại, về đường luân-lý thực-tiễn và giáo-dục chính-thức, thì tư-tưởng và quan-niệm ở cuốn sư-phạm này (tức *Tam-tự-kinh*) ở chỗ giống hệt với người Pháp. Ngay trong khi đang học, đã dạy nhiều đến bản-tính loài người, đến thị-dục, đến bổn-phận và luân lý. Ta lại thấy cuốn *Tam tự-kinh* nói quả-quyết rằng: vốn tính người ta rất tốt; cần phải dạy-dỗ tử-tế; sự dạy dỗ ấy có sức rất mạnh, nếu không biến-hóa ngay được xã-hội, cũng ngăn-ngừa cho khỏi trụy lạc,

(*Xem tiếp trang 17*)

Thư viện Thái bình

Đã rất lâu nay, ở tỉnh Thái bình chưa có một Thư viện nào có các sách đầy đủ về các loại cho các người muốn tới trao khảo, nghiên cứu, học tập về văn nghệ. Chúng tôi vừa được tin đến đầu tháng giêng tây này, Thư viện của Ban văn học Hội Trí thể Dục do hai vị Thủ thư mới, sẽ chỉnh đốn lại theo phương pháp rất thiết thực để có các sách hợp ích cho mọi hạng người. Thư viện đó không phải tổ chức, sây dựng lên ở trong phạm vi cho các hội viên tới đọc mượn sách, mà sẽ là nơi để cho các giới trí thức trong tỉnh tới học tập thêm thật là một cử-chỉ rất ý nghĩa, giúp đỡ cho những người hiếu học, vậy chúng tôi mong rằng ai có sách, không cần dùng nữa xin gửi giúp cho thư viện.

Hộp thư

— Cô Lê T. H. L. — Lạc Mỹ Hà tĩnh — Báo từ 1 11-44 đến 31 12 44 Còn thiếu 5$60

Ô. T. v. Cỡ Nhi quy Tái Lay — Đã giả 20$ ngày 1 12 19 4 là từ 1 6-44 đến 15 9 44.

T. T.

Đã in xong:

TIẾNG VỌNG SÔNG NGÂN

Thi-phẩm của NGÂN GIANG

A. — LOẠI ĐẶC BIỆT:

1) 5 bản trên giấy *Bạch-Tuyết* (riêng loại sách này có ảnh tác-giả) Giá: 100$00

2) 25 bản trên giấy lụa *Tây-Hồ* — 40$00

B. — LOẠI QUÝ:

In trên giấy lụa *Trữ-La* Giá: 12$00

Hai loại sách này đều có 2 tranh minh họa của họa-sĩ TRỊNH-VÂN *Bìa do họa-sĩ Trịnh-Vân vẽ bằng đá bà trông coi việc ấn loát*

Không gửi theo lĩnh-hóa giao-ngân. Mua lẻ, thêm 1$00 cước

Đại lý trừ 25% — *Thư, Ngân phiếu gửi về:*

Bà ĐỖ THỊ QUẾ 44, Hàng Bông HANOI

Bà Chúa lấy chồng Ông Hoàng lấy vợ

(bài nối)

HOÀNG-THIỆU SƠN

Khi hội-đồng tuyển-phu đã chọn xong năm người xứng-đáng, liền để danh-sách lên ngự-thầm, Hoàng-đế muốn chọn người nào thì chấm son đỏ vào tên người ấy. Lễ-bộ và Tôn-nhân phủ liền được lệnh sửa-soạn hôn lễ và Khâm-thiên-giám cũng phải chọn ngày lành, tháng tốt để cử hành những lễ ấy.

Người được chọn liền được phong chức *Phò-mã Đô-úy* là chức võ-quan hàm tùng-tam phẩm. Phò mã được ân-cấp sáu nghìn quan tiền để tậu một phủ-đệ và sắm sanh lễ-vật, công liệu-lý hôn-lễ.

Cụ Tổng-cao Nguyễn văn Mại (5) kể lại việc hôn nhân của một ông Phò, rể đức Minh Mạng, theo lời thuật lại của chính ông Phò ấy, thì ông ta cũng được ân-cấp sáu nghìn quan tiền, hai nghìn để sắm tư trang, hai nghìn làm lục-lễ và hai nghìn xây phủ đệ. Tuy thế, nhiều lễ vật như vàng, bạc, sô, sa, gấm, vóc, lượt, là, đều do Chủ-hôn cho đơn vào lãnh ở Nội phủ. Quan-bào Phò mã cũng do Nội phủ sắm cho.

Theo một đạo chỉ dụ năm Minh-mạng thứ sáu (1825) thì sau bà Chúa hạ-giá là Hoàng-trưởng-nữ của một Hoàng-hậu hay Chính phi thì Hoàng-đế ân ban cho năm vạn quan tiền lấm của Lễ môn, các Hoàng-nữ khác chỉ được ba vạn quan. Một đạo chỉ-dụ khác năm Minh-mạng thứ mười-một (6) ấn-định lại số tiền vua ân-ban cho các Công-chúa khi hạ-giá như sau này :

Hoàng-trưởng-nữ của một Hoàng-hậu hay Chính phi được năm vạn quan ;

Các Hoàng-nữ khác của Hoàng-hậu hay Chính-phi được bốn vạn quan ;

Trưởng-nữ của các cung-phi được ba vạn quan ;

Các Hoàng-nữ khác của các cung-phi được hai vạn quan.

Ông Phò lại được năm mươi lính hầu do một viên Đội-trưởng hàm thất phẩm võ-giai cai quản để ứng-trực trong phủ đệ.

***

Lục-lễ đều cử hành theo những nghi thức rất trang nghiêm có ấn định rõ ràng ở Hội-điển của Nam triều. Hai đạo chỉ dụ chính ấn định những nghi thức ấy đều ban hành dưới triều Gia-long năm thứ tư (1805) và năm thứ bảy (1808). Tám đạo chỉ dụ khác ban hành dưới hai triều Minh-mệnh và Thiệu-trị sửa đổi lại ít nhiều những chi tiết, lựu-trung không có đạo nào quan trọng bằng hai đạo trên (6).

Dưới hai triều Gia-long, Minh mệnh, lục lễ cử hành trong sáu ngày. Bắt đầu từ năm Thiệu-trị thứ năm (1845) có chỉ dụ định lại rằng lục lễ chỉ cử hành trong ba ngày, cứ hai lễ một ngày. Ngày làm lễ đều do Khâm-thiên-giám chọn.

Trước khi cử hành lục lễ, Hoàng đế sắc cho Chủ hôn thân đến nhà bố mẹ Phò mã tương lai truyền cho họ biết tin con họ được chọn làm con rể chốn nhà vàng. Tại nhà ông Phò phải đặt án để tiếp chỉ nhà vua. Chủ hôn đứng bên tả án, mặt quay về phía nam, bố mẹ ông Phò đứng bên hữu, Chủ-hôn tuyên đọc sắc chỉ đại khái như sau này : « *Đức Hoàng đế định cho Công chúa... hạ giá với... là con... Đến ngày... tháng... hộ nhà giai được phép bái mạng để tạ hoàng ân...* » (7)

Đến hôm bái mạng, thiết triều tại điện Cần-chánh, bách quan đều mặc áo thụng xanh, bố ông Phò và anh, em chú bác đến vong bái trong sân điện để cảm tạ hoàng ân. Cũng hôm ấy cả ông Phò cùng bà con bà của ông Phò, cô, thím, chị, em đến Khôn-đức-cung và Trường-thọ-cung dâng lễ mừng đức Hoàng thái hậu và Thái Hoàng Thái hậu (7).

Trước hôm cử hành lục lễ một ngày, bố vế chú, bác, anh, em ông Phò phải đến cửa Hữu-đoan

môn đệ nộp lễ vật : một con lợn hộc, một con lợn quay, một mâm xôi. Vọng bái trước đền rồng xong, họ được nội thiện mời trà nước, cau, giầu, cuối cùng vọng bái thêm năm lễ nữa thì lễ thành. (7)

***

Lục lễ cử hành theo thứ tự sau này :

1 — Lễ nạp thái, lễ vấn danh cùng một ngày ;

2 — Lễ nạp trưng, lễ nạp cát cùng một ngày ;

3 — Lễ điện nhạn, lễ thân nghinh cùng một ngày ;

1) *Lễ Nạp-thái.* — Lễ vật phải có hai thoi vàng, mỗi thoi năm lạng, mười nén bạc, mỗi nén mười lạng. Vàng, bạc đều để trong hai tráp lồng gương sơn son thếp vàng. Những lễ vật này đều do Nội phủ cấp cho ông Phò (5).

Lễ vật đệ nộp tại Tôn nhân phủ. Trước sân phủ có đặt thề bằng, thiết hương án. Lễ vật đặt lên án, án phải quay về phương nam. Chủ hôn rồi đến bố mẹ ông Phò lễ năm lễ trước án, xong bố ông Phò phải lễ lại Chủ hôn năm lễ. Lễ thành lên có tiệc khoản đãi tân khách. Cuối cùng bố, mẹ ông Phò lại phải lễ Chủ-hôn năm lễ trước khi cáo-từ. (7) Những lễ vật này Chủ hôn phải đệ nộp vào đền Công-chúa.

2 *Lễ Vấn-danh.* — Mục đích lễ này là để bà Chúa xem mặt ông Phò và bố mẹ chồng. Lúc cáo-cậu sắm dự cuộc tuyển-phu đến ra mắt Chủ-hôn tại Tôn-nhân phủ để « *rắp-ranh bắn-sẻ* » thì Chúa cũng từng phái thị nữ ra ngắm-nghía sau rèm hoa do-thám dung-nhan, diện-mạo, gia thế, tư-cách từng cậu, để về thuật lại cho chúa nghe. Nhưng chính hôm lễ vấn-danh, khi cuộc tuyển-lựa đã cáo-thành rồi, « *vén đã đóng thuyền* » Chúa mới được quyền trọm lốc phong-tư của bạn trăm năm (5).

Lễ vật phải có : một đôi kim-xoa đính hoàng-chiếu, một đôi kim-hoa chạm phi-phụng. Ông Phò cùng bố, mẹ mặc áo xanh, quần điều đệ trình lễ vật tại Tôn nhân-phủ, Chủ hôn liền đệ-nộp vào đền Công-chúa. Ông Phò và bố, mẹ cùng đi bộ theo vào trước sân đền. Tỳ-nữ liền ra mời ông Phò đến trước thềm điện. Trên điện qua những mảnh mảnh hoa, bà Chúa lần đầu tiên được nhìn thấy bóng-dáng đức ông chồng, chớ mặt mũi cũng không thể nhìn thấy rõ ràng được. Xong ông Phò cùng bố mẹ được mời sang tả-truông-lang để chúa ban trà rượu do nội-thiện và nữ-quan dọn-mời (5).

3 *Lễ Nạp-trưng hay Nạp-thể.* Lễ vật đều do nội phủ phát, gồm có : mười cây hàng tàu ngũ sắc chia ra làm hai cây gấm, bốn cây vấn, bốn cây sa, đựng trong hai tráp sơn son, thếp vàng về song-phụng.

Lễ-vật đều đệ trình tại Tôn-nhân-phủ rồi Chủ-hôn đệ nộp vào đền Công-chúa, theo ngũ-thức như trong lễ nạp-thái.

4 *Lễ Nạp cát hay Thỉnh-kỳ,* mục đích để xin ngày rước dâu.

Lễ vật gồm có : một đôi trâu sừng bao ky đỏ, một đôi lợn tai đeo hoa và nhạc cổng, lưng bôi quan-quế, nằm trong hai chiếc cũi đỏ. Lễ vật đều đệ trình tại Tôn-nhân-phủ để Chủ hôn đệ-nộp vào đền Công-chúa theo những ngũ-thức như trên. Trong lúc hành-lễ, Phò-mã phải mặc quan-bào màu lam, đội mũ cánh-chuồn. Những trâu và lợn ngay hôm làm lễ phải làm thịt để ngự-thiện.

Lễ vật trong bốn lễ này bao giờ cũng phải kèm theo hai chóe rượu và hai mâm cau, giầu.

***

Ba hôm trước ngày vu-quy, Công-chúa phải thân đến Thế-miếu làm lễ tế-cáo Liệt-Thánh và đến Trường-thọ-cung cáo-bạch Thái Hoàng Thái Hậu. Ông Phò ở nhà cũng tế cáo tổ-tiên về việc gia-thất của mình (8).

Hôm trước dâu, một vị ấn quan và vợ cùng một thị-vệ và một nữ quan đến phủ-đệ ông Phò sửa-soạn « *đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên* » để cho loan-phụng tương phùng. Chính vợ chồng vị Hoàng-thân làm Chủ hôn phải thân-thủ giải chiếc chiếu đầu tiên trên giường tân-hôn (7).

Sáng hôm công chúa vu quy, ông Phò phải đến đợi ở Hữu đoan-môn để vào làm lễ trước bệ rồng. Điện Cần-chánh hôm ấy là ngày đại-triều, bá quan đều mặc triều phục. Phò mã mặc quan bào lễ năm lễ trước sân rồng dâng nộp hai nén vàng, tám nén bạc (7-8). Xong, lại phải sang Khôn-đức-cung và Trường-thọ-cung làm lễ và dâng nộp một số kim ngân như lễ.

(Xem tiếp trang 14)

(5) « *Ăn cơm mới nói chuyện cũ* » (*Nam Phong, mars 1923*).

(6) *Các đạo chỉ dụ này có được dịch trong Bulletin des Amis du vieux Hué, năm 1934.*

(7) *Chỉ dụ năm Gia Long thứ tư (1805)*

(8) *Chỉ dụ năm Gia Long thứ bảy (1808)*

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 6

của Biệt-lam TRẦN HUY BA

Hôm nay thứ bẩy, các trại-sinh lên núi từ 7 giờ sáng kể dao, người búa, chặt củi đem về, xếp ở khu đất rộng, trước cửa nhà làng để đến tối dùng đốt lửa trại; vì trong bọn trại sinh, phần đông là người trong đoàn Hướng-đạo; nên việc đốt lửa trại càng được các bạn tán thành.

Mới khoảng 6 giờ chiều, các trại-sinh đã khuân bàn vác ghế, bầy thành một sân khấu giữa gò, H ; đống củi khô đã được xếp chụm đầu thân hình kim tự-tháp, cao đen ngang nóc nhà. Phường nhạc của dân Vọng-thê, toàn người « đường khô » (Cao-men) đã ngồi vào một góc cạnh chân đồi. Trên mấy cái bàn rộng bày la-liệt đủ đồ nê, nước trà ấm chén và đồ bát-ăm, cùng cá thư y p ục để các Trại-sinh mặc, rồi đóng các vai kịch khôi hài. Nói tóm lại là một sân-khấu lộ-thiên đã hoàn toàn chỉnh bị.

Đúng 7 giờ rưỡi một hồi kèn bá hiệu các nhân viên trong đoàn phá bị, các trại-sinh cùng 10 người lính đã tề tựu đủ. Mấy làng ghế bày vòng quanh đã dần-dần hết chỗ. Các Hương-hào chức-dịch, xã Vọng-thê cùng các chủ điền lân-cận thảy đều đủ mặt... Bài quốc-ca vừa bắt đầu cử, ai nấy đều đứng dậy chào cờ. Rứt tiếng kèn chào, ông J. một nhà tai mắt ở Vọng-thê, đứng lên giới-thiệu với các khán-giả, về mục-đích, cuộc đốt lửa trại của đoàn trại-sinh hôm nay. Rồi ông tỏ ý hy-vọng các thiếu niên vùng này cũng nên theo tôn chỉ, thì cuộc đốt lửa trại ở trước cửa nhà-làng còn được nhiều phen tái diễn, v. v.

Kế đến đoàn trại-sinh đứng sắp hàng hát bài 10 điều cốt-yếu của đoàn Hướng-đạo, mà tôi mới vội soạn được vài hôm.

Hai đống lửa như hai cây đình-liệu, lửa bốc rực giới, bốn phía hàng rào người kéo lại, một quang cảnh tưng bừng náo-nhiệt từ xưa đến nay chưa từng có, ở nơi hẻo lánh này thực là vui vẻ... Các trại-sinh lần lượt diễn các vở kịch ngắn, như « Phú ông kén rể » « nhà quê ra tỉnh », « tiếng tây học lỏm » v.v. được các khán giả nhiệt liệt hoan nghênh. Tiếng vỗ tay vang động cho mãi đến hơn 12 giờ ngọn lửa trại mới từ từ hạ thấp, và khán giả cũng mới dần dần giải-tán.

Ngày 11-III, hồi 7 giờ chiều ông J. một vị hương chức trong làng cho ghe lại đón chúng tôi, trong ghe đã sẵn có một nàng Ca-nữ người ở Rạch-giá mời vô, lại có cả mấy tay Cầm-sĩ nổi danh. Khi ghe lướt vèo vèo trên khúc sông nước chảy, thì đàn sáo véo von, tiếng ca trầm bổng, mỗi đợt sóng dồn, là một dịp tiếng ca thánh thót. Trên giăng dưới nước, trong lúc quãng vắng sông dài đàn ngọt hát hay, làm cho khách

hữu tình, phải một phen ngây ngất... Khi tới nhà bạn J. thì đã đầy đủ giai-nhân mặc-khách, mừng dịp bắc-nam hội-ngộ, Tôi vì bị cử tọa ép buộc nên bất đắc dĩ cũng phải thốt ra mấy vần, dù là lời văn thô thiển.

Nhờ được đào nen với một giọng êm ái ngâm lên, làm cho tiệc rượu càng nồng, tiếng cười càng dậy. ngoài hiên thì phường bát âm người thổi đánh trống thổi kèn inh ỏi, trong nhà thì tưng bừng Đàn nhị với ca hát. Cứ thế kéo dài cho mãi đến quá 3 giờ đêm, làm cho chủ khách mê li ; thực là : khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn tình,!!!

Trăng đã lên cao, tiệc vui đã gần mãn, chúng tôi vội cáo từ về nơi ngụ-sở Bạn J. còn ân-cần quyến-luyến, cùng nàng. Ca-nữ xuống ghe, tiễn chúng tôi đến tận bến dinh, mới chịu chia tay các biệt. Thực là;

Đêm sao đêm mãi du mà !
Chia tay thêm những mặn mà có nhau!!!

Thăm chùa Linh-Sơn.

Chùa Linh-Sơn ở cách nhà làng độ hơn cây số. Ngay ở sườn núi Ba-thê, Ngày thường hai buổi đi về vẫn qua cổng chùa, mà chưa có dịp lại thăm, nhân nay có ông bạn N. Đ chỉ đường, nên chúng tôi cùng tới, ngõ chùa toàn xếp những phiến đá to thành bực, hai bên cây cỏ tốt tươi. Chùa này nhỏ hẹp, nhưng xem cũng có vẻ phong quang, phía sau có nhà tổ và phòng sư cụ ở trụ-trì. Sư cụ đã ngoài sáu mươi, người chất phác, thấy chúng tôi vào vãn cảnh, người rất vui mừng, pha trà tiếp đãi, rồi dẫn đi thăm chùa. Chùa xây vuông, ở giữa chỉ có một pho tượng đá cao chừng 6 thước, 64 tay, phía sau có rắn chín đầu nhô lên cho như cái tán, Ngoài ra không có một pho tượng nào khác nữa.

Sư cụ kể chuyện rằng : hồi thượng cổ pho tượng phật-đây

(Xem tiếp trang 16)

Bà Chúa lấy chồng...

(Tiếp theo trang 11)

Bà Chúa, trước khi từ-giã Hoàng-cung, cũng phải đến bái-biệt Hoàng-đế. Chúa được phép lễ trên điện; lễ năm lễ. Hoàng-đế liền truyền nữ-quan ban ngự-tửu. Chúa nống xong, vua phán-dạy những câu tử đức, tam tòng, rồi Chúa lại lễ năm lễ và lui xuống. Công-chúa lại phải làm lễ bái-biệt Hoàng-thái-hậu tại Khôn đức-cung, nghi-thức cũng như lễ bái-biệt Hoàng-đế tại Cần-Chánh-điện (7)

5 *Lễ-điện-nghi.* Lễ nầy cử-hành trước sân đền bà Chúa. Lễ vật phải có: hai con ngỗng trắng trong lồng son, bộ giầy đều một hộp chỉ ngũ sắc, một trăm đồng tiền đủ các hiệu vua, một chóe rượu và hai mâm cau trầu. Thị nữ nhận lễ-vật. Tức trước ngoài sân đền có Phò mã, Hoàng-toàn Chủ hôn cùng phu-nhân, hai Hoàng-thân cùng phu nhân, hai Phò mã cùng Công chúa và bốn ấn quan văn võ, cùng mạng phu. Những cặp vợ chồng nầy đều phải là những đôi uyên-ương nhiều gia đình hạnh phúc, và con cái đông đúc (5).

Một chốc, nữ quan ra truyền: « *bát âm sắp nổi, Chúa sắp dời gót sen* ». Độ một khắc sau, nổi dậy ngỗng kêu rồ nhạc bát âm nổi, ấy là hiệu Công chúa ra khỏi đền theo cửa Tả môn. Trước sân đền đã đợi sẵn loan xa, phò-mã tức trực một bên, thân mở cửa loan xa. Các Mạng-phụ và nữ quan giúp Chúa lên kiệu-hoa; Phò mã thân đóng cửa rồi xá ba xá. Ông Phò phải đi bộ dẫn-lộ, ra khỏi Đại nội mới được lên ngựa (5).

Đưa Công chúa vu quy có những quan khách kể trên, thêm vào sáu nữ quan và sáu trăm lính, mặc nhung-y cầm châu trượng, lại có đội võ cang tấu nhã nhạc. Hai bên loan-xa Công-chúa, hai nữ quan và tám thể-nữ theo hầu, bốn người mang quạt lông, bốn người mang trập giay, hộp hương, hộp phấn, hộp giầu. Theo ngựa ông Phò có hai người lính che tàn và hai người mang trập, điểu. Quan khách theo rước đàn thì đàn ông cưỡi ngựa, đàn bà ngồi võng. (5)

Đạo ngự ra khỏi Hoàng-thành liền thẳng đến bến Phu-vân-lâu. Mười long thuyền, lê thuyền đã sẵn sàng ứng trực trên Hương-giang để đợi Công chúa « *thuyền lan, chèo quế thuận dường vu quy* », vì theo cổ tục các công-chúa Nguyễn triều vu quy phần nhiều hay dùng thủy đạo. Khi long thuyền dời bến thì trên bến pháo bông và pháo thăng thiên đốt luôn nửa tiếng đồng hồ chào mừng Công chúa.

6 *Lễ Thân nghinh* — Khi sắp đến nơi, ông Phò tế ngựa về trước, và thay ông Phò một Mạng-phụ đi trước dẫn đạo. Bố, mẹ ông Phò mặc lễ-phục đón đầu tại bến đò. Ở đấy Công chúa lại lên kiệu về phủ. Đến phủ, kiệu vào thẳng cổng giữa và đỗ tại bên thềm, ông Phò đợi ở đấy vén rèm mời chúa xuống, Phò mã đứng bên tả Công chúa đứng bên hữu rồi ông Phò khoác tay đưa bà Chúa vào phủ. Ông Phò mặc phẩm phục lam bào, mũ cánh chuồn; bà Chúa áo cung trang gấm vàng, mũ thất phụng. Khi lễ Tơ Hồng, hai vợ chồng đều quay mặt về hướng nam, xong cùng nhau giao bôi, chồng ngồi phía đông, vợ ngồi phía tây, có nữ quan rót rượu (8). Trong lúc ấy bên ngoài đặt tiệc khoản đãi quan khách và hộ nhà giai. Tiệc tàn, tân lang và tân giai nhân bước ra cảm tạ mọi người, Công chúa tặng mỗi người một quạt gấm, một khăn điều, một đẫy gấm và một đồng tiền vàng. Lính theo hầu mỗi người cũng được chúa ban một quan tiền.

Sau hôm hợp cẩn một ngày, bà Chúa làm lễ ra mắt bố mẹ chồng. Chúa đứng phía tây lễ bố, mẹ chồng bốn lễ, bố mẹ đứng phía đông lễ giả hai lễ (8).

Ba ngày sau, Chúa đến lạy từ đường nhà chồng, có bố mẹ chồng chứng-kiến. Bố đứng phía tây, mẹ phía đông. Bố khấn đại khái như sau nầy: « *Con tôi là... kết duyên cùng Công chúa... xin cáo tổ-tiên...* » Xong, vợ chồng Công chúa lễ bốn lễ trước bàn thờ, rồi bố mẹ cũng lễ.

Chín ngày sau, vợ chồng vào lạy tạ Hoàng Đế, bà Chúa lễ trên điện, ông Phò vọng bái ngoài sân rồng. Nhân dịp vua ban cho rể một bộ triều phục, hai áo gấm, hai yên ngựa (8). Ông Phò, bà Chúa lại tế cáo Liệt Thánh tại Thế-miếu rồi vào chầu đức Hoàng Thái hậu và Thái Hoàng Thái hậu, xong lại đến tạ ơn vị Hoàng thân làm Chủ hôn cho hai bên kết giây cầm sắt.

Dưới ba triều Gia-long, Minh-mệnh, Thiệu-trị, các Công chúa mới hạ giá theo đúng nghi thức trên này. Năm 1846, hiệu Thiệu-trị thứ sáu, đức vua, nhân dịp một công-chúa hạ giá và lấy cớ cách đấy mấy năm hai Công chúa Vu-Vi và Vu-Nhuế hạ giá theo nghi thức rất đơn giản, xuống chỉ (8) sắc cho bộ Lễ phải châm chước cổ lễ, bãi bỏ những nghi thức phiền phức và tốn kém, cốt

để tiết kiệm cho gia đình vì Phò-mã là con chàu một công thần lất liêm khiết, thanh bạch. Từ ấy giở đi, lễ thành thân của Công chúa nào cũng đơn giản.

Lễ hạ giá cuối cùng của một Công chúa châm-chước theo cổ-lễ là lễ cưới của Châu Hoàn Công chúa hiệu Tân Phong, em gái đức Thành-Thái, gả về ông Nguyễn hữu Khâm, con trai Vĩnh lại quận công Nguyễn hữu Độ năm Duy-tân ngũ niên, mồng mười, tháng mười (15-11-1907). Hiện Tân Phong Công chúa còn sống ở Huế. Một người con trai khác của Vĩnh lại quận công là ông Nguyễn Lữu Tý cũng kết duyên với Hoàng-trưởng nữ đức Đồng Khánh và chị đức Khải-Định, cô đức Bảo-Đại là Dĩ-Ngu công chúa hiệu Ngọc-Lâm, năm Thành-thái thứ mười ba, trước đây mấy năm Ngọc-Lâm Công chúa mới tân thiên (9) năm 1942.

***

Theo đền-chế Nguyễn-triều, các Hoàng tử Hoàng-đệ đến mười tám tuổi thì xuất phủ, nghĩa là ra biệt lập gia-đình có phủ-đệ riêng, không phải ở trong cấm-thành nữa. Xuất-phủ xong, các Hoàng-tử phải nghĩ đến việc thành-hôn cho yên bề gia-thất. Họ lấy vợ gọi là « *nạp phủ-thiếp* ». Vợ một Hoàng-tử dù chồng có được phong vương cũng không mang huy-hiệu « vương-phi ». Vì chính triều chín bệ, cũng chỉ tôn không nạp Chính-cung, không lập Hoàng hậu, các vương hầu cũng phải tuân theo phép ấy.

Những Hoàng-đệ, Hoàng-tử mỗi khi chọn bạn trăm năm, cũng phải theo lối nhiều thể thức như sau này. Họ có thể kết duyên với con gái bách quan trong triều, ngoài quận, trừ ra con gái các quan trong Hoàng-tộc vì là họ-hàng của họ. Muốn kết hôn, các ông Hoàng phải được Hoàng-đế cho phép. Phần nhiều thì chính đức Vua ngỏ cho triều-thần hay tôn ý, rồi đình-thần thu-xếp lấy việc gia-thất cho các ông Hoàng.

Năm 1836 đức Minh-Mạng có ba Hoàng-nam đúng mười tám tuổi vừa xuất phủ là Miên-Thẩm, Miên-Trinh và Miên-Bửu. Một buổi chầu hè, Hoàng đế ngự-đạo trong Triệu phương-viên có các Hoàng-tử và năm vị văn võ đại thần theo chầu. Viên Triệu phương tường nhiều lệ mới, cây nào cũng đang sai quả. Đức Thánh tổ bảo cho tả hữu tự do hái quả mà ăn ngài nhân phán dạy các đại thần rằng :

— *Các Hoàng tử đây đều nhờ các thầy dạy bảo. Nay Trẫm lại muốn nhờ các thầy lo liệu cho chúng nó về việc gia thất. Thầy nào có con gái vừa lứa trao tơ, thì cứ tùy ý chọn lựa một trong ba hoàng tử.*

Tuy thanh quận công, Lại bộ đại thần Trương đăng Quế, quản tỉnh Quảng nghĩa, lúc bấy giờ đang là quan đầu triều, tâu rằng :

— *Muôn tâu bệ hạ, cây vàng lá ngọc, cành nào cũng tốt tươi đẹp đẽ, con cái chúng thần, như chim nơi rừng núi, đậu vào biết làm sao cho xứng hợp.*

Hoàng đế dạy rằng :

— *Chim rừng cũng có nhiều thứ, như chim phụng hoàng chẳng đáng quí lắm sao ? Bách điểu chi có câu rằng : Chim phụng hoàng chọn cây cao mà đậu. Vậy chim phụng của thầy năm nay bao nhiêu tuổi ?*

— *Tâu : con kẻ hạ thần năm nay mười sáu.*

— *Tên là chi ?*

— *Tâu : tên là thị Thứ.*

— *Thầy đã cho học chưa ?*

— *Tâu : mới học được mấy ba chữ. Dám xin tâu đức Thánh thượng, con kẻ hạ thần tài sắc không có, mà sơn phấn cũng chưa biết chi.*

— *Biết học trò không, ai bằng thầy. Trong ba trò này, thầy thương được trò nào chăng.*

— *Muôn tâu bệ hạ, đức ông Hoàng mười (trỏ Miên Thẩm sau này là Tùng thiện vương) kẻ hạ thần được biết đã lâu cùng kẻ hạ thần là bạn vong niên. Như được ơn trên soi xuống, ước nguyện Hướng Trường (10) cũng được thỏa mãn vậy (11).*

Tin vô hầu là quản Đô thống chưởng quản cấm tượng binh Phạm văn Điển quản tỉnh Thừa thiên chọn hoàng tử Miên Trình sau này là Tuy lý vương.

Tin vô hầu có dâng lên ngự bẩm tâu lược dịch như sau về việc hôn nhân của con gái.

— *Hoàng tử thứ mười một là người thông minh và có đức hạnh. Người lại nổi danh học giả, thơ hay. Thần tuy đốt nát không thể trị giá được người về tài, nhưng rất biết khâm phục về đức.*

Nếu như Bệ hạ không chê kẻ hạ thần ngu lỗ, và Hoàng tử cũng ưng thuận cho thì thần xin lựa người làm rể quí và lấy làm hân hạnh vô cùng » (12).

HOÀNG-THIỆU SƠN

---

(9) Bà chúa từ trần gọi là tân thiên

(10) Hướng Trường người đời Chiến quốc chỉ ước vọng cho con gái lấy chồng con giết lấy vợ.

(11) Hoàng tử phổ

(12) Trần Thanh Mại « Tuy lý Vương »

Hai tháng ở gò Óc-Eo

(Tiếp theo trang 13)

chính là ở chùa tháp ngay nền nhà làng bây giờ, tháp đồ tượng nằm trơ, người thổ bảo nhau khiêng đi chỗ khác để thờ, nhưng bao nhiêu người khiêng cũng không sao nổi. Về sau bọn người Việt-nam kéo đến khấn lễ rồi họ khiêng được phật về đây, dựng nên chùa này. Vì thế, ở đây, các dân thổ họ đã có chùa của họ; còn chùa đây chỉ riêng người Nam phụng sự; tuy ở một làng, nhưng thành hai phái. Tôi hỏi cụ có biết chùa dựng từ bao giờ. Cụ già nhời: đã lâu lâu lắm, kể ra cũng đã mấy đời rồi ấy câu chuyện truyền thuyết như thế, chả biết có thực hay không. Tiện dịp tôi có vịnh một bài: «*Đăng Linh-Sơn tự cảm tác.*» bằng Đường luật.

Vịnh xong, ông bạn N. Đ. cũng ứng khẩu họa liền:

Ngoạn xong cảnh chùa Linh Sơn chúng tôi mới trèo lên đỉnh núi để thăm chùa Sơn-tiên. Đường lên chùa toàn đi dốc ngược như trèo thang, hai bên bãy mọc xen nhau cao chót vót, thỉnh thoảng lại có một phiến đá trồi ra như cái mái hiên, chúng tôi dừng chân một chút rồi lại leo hoài. Cứ thế đi mãi, coi bộ đã mỏi gối chồn chân, mà chưa đến đỉnh! Chúng tôi nghỉ lại rồi lấy viễn kính nhòm ra tứ phương: Phía đông-nam thì kia, tỉnh-thành Rạch-giá và bể rộng bao-la. Còn ba phía khác thì bát ngát mênh mông, nhất là về phía gò Óc-eo những nơi mà chúng tôi mới đào tìm, thực là rõ rệt. Được những cơn gió ào ào ở phương nam kéo lại, chúng tôi mát mẻ khoan-khoái lạ thường!

Một ông già nhà ở trên sườn núi, nhân buổi trước đã đi thăm gò Óc-eo, gặp tôi, ông nhận ra ngay. Chúng tôi mời ông ấy cùng leo lên đỉnh. Tới nơi, thấy một cảnh chùa mới mẻ, và vài ba ngọn tháp mới xây, cảnh tượng không lấy gì làm cổ kính. Nhà sư trụ-trì tuổi độ bốn mươi, người trông thanh tú, cũng tiếp đãi chúng tôi ân cần, và nói cho hay cảnh này cũng mới lập ra, chưng độ 40 năm trở lại, ấy thế mà cũng được 3 vị sư tịch ở chốn này rồi, nên đã dựng được 3 ngọn tháp. Chùa đây nhỏ bẹp hơn chùa Linh-sơn, sự đi lại khó khăn nên khách vãn cảnh cũng không được đông vui cho lắm. Tôi thăm hỏi hồi lâu, rồi cũng cảm tác một bài quốc ngữ:

Đỉnh núi Ba thê một tiểu thiên,
Um tùm hoa cỏ, cảnh sơn-tiên!
Đôi ba tháp nhỏ, nền vôi trắng,
Lần khuất non cao, bực sỏi liền,
Ngất ngưởng thân cây, chèn lối ngược,
Trênh vênh tảng đá trổ hàng hiên.
Nhìn xem cảnh vật thiên-nhiên ấy,
Riêng để du-nhân khách hữu duyên....

Chúng tôi chuyện vãn hồi lâu, thì mặt giời đã xế, vội cùng nhau đã cảnh, đã chùa để xuống núi.

Từ-biệt Vọng-thê

Hôm nay đã là 19 tháng tư rồi, dù công việc của đoàn Phái-bộ chưa cáo thành, song chúng tôi cũng phải cố gắng. Sáng ngày hôm đó, tôi còn phải dùng tới ba chục người phu, đi làm che xong công việc. Chừng một giờ chiều thì bọn phu của tôi cũng vừa thanh thỏa. Thế là công việc cáo-thành.

Khi tiệc từ-dã làng Vọng-thê, ông Chánh đoàn Phái-bộ có đứng lên đọc một bài từ-biệt, đại ý ông cảm ơn các nhà đương chức, đã giúp đỡ cho mọi sự cần dùng trong khi Phái-bộ ở tại Vọng-thê, và tiện dịp ông mong mỏi sau này làng Vọng-thê sẽ thành một nơi trọng-yếu để đón các du-khách tứ phương, nếu nơi gò Óc-eo sẽ khảo-cứu ra nhiều điều bí-mật, thì sự thịnh vượng của làng Vọng-thê còn có nhiều hy-vọng về tương lai, v. v...

Ông xã trưởng làng Vọng-thê liền đọc bài đáp từ, đại để, ông cảm ơn đoàn Phái-bộ, vì nhờ sự thông minh của các nhà bác-học đã tìm ra nơi gò Óc-eo trước kia chỉ là chỗ để buộc trâu bò, nay đã trở nên mộ cổ-tích quan hệ, v. v.

Tiệc vừa xong thì một đoàn xe bò kéo đến, phường bát âm cử nhạc bọn lính bồng súng chào... Thế là đoàn Phái bộ chúng tôi lên đường để về Long-xuyên cho kịp việc. Tới Long-xuyên vừa 9 giờ tối, chúng tôi chia tay, mỗi người đi mỗi việc.

Long-xuyên 20 Avril 1944

(Hết)

Biệt-lam TRẦN-HUY-BA

Cùng các bạn đọc

— Xin các bạn đón coi số tới là số XUÂN ẤT DẬU sẽ ra ngày 1er Février 1945.

— Vì số Xuân in dày hơn số thường nên bản chí buộc phải nghỉ hai kỳ trước và 1 kỳ sau.

— Báo in ra có hạn xin đón mua ngay. Các đại lý lấy bao nhiêu xin cho biết trước bằng điện tín.

T.T.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

(Tiếp theo trang 9)

và dẫn người ta vào đường thẳng là đường lý thường. *Tam-tự-kinh* dạy rằng đạo thường có quyền tối cao, học đạo thường là cái mục đích tối cao của sự giáo-hóa. Đã hay đó là cái đức tốt của loài người, mà thời nào cũng thế, nhưng *Tam-tự-kinh* nói có điều chắc-chắn, êm-đềm, gọn-gàng lạ lùng »

Đến đoạn kết-luận, ông Hàm nói: « ...Các quyển... đều có chủ-ý dạy trẻ biết luân-thường đạo-nghĩa,... tuy lúc nhỏ chưa hiểu rõ nghĩa-lý, nhưng đến lúc lớn nhớ ra, ôn lại, thời dần-dần cũng vỡ-vạc thấm thía các nghĩa-lý ấy mà coi những câu ấy như những câu châm ngôn để tự thân xử thế, thật rất có ảnh-hưởng về đường tinh-thần luân-lý ». Kết-luận như thế rất phải, duy mấy câu ở trang 23 xem ra không được đúng. Mấy câu ấy như sau này: « ...nhất-nhất cái gì cũng học thuộc lòng, thành ra phải dùng đến trí nhớ nhiều quá. Có lẽ cũng vì thế mà ở phần nhiều người nước ta, khiếu nhớ rất mở-mang mà trí phán-đoán, phê-bình có kém, và trong nền học-thuật của ta, phần « tiếp thụ » của người thì nhiều mà phần sáng-tạo của mình thì rất ít. Âu cũng là một cái kết quả không hay của phương-pháp dạy học của ta ngày trước ».

Đoạn kết-luận (tr. 30) thì nói chủ-ý dạy trẻ biết luân-lý mà đoạn mở đầu (tr. 23) lại nói dùng trí nhớ nhiều quá, «kết quả không hay»: hình như hai chỗ có ý mâu-thuẫn. Vả lại, trên đã nói quyển *Văn-học-sử-yếu* này là sách để học, không phải là sách phê-bình, nên bỏ bớt những câu ngụ-luận ở trang 23 đi.

Cả đến đoạn: «Như mấy câu đầu trong cuốn *tam tự kinh* đã nói đến thiên-tính người ta là một vấn-đề triết-học rất cao mà hiện nay các nhà tư-tưởng còn tranh-luận chưa ngã-ngũ ra sao» (ở tr. 23), đoạn ấy có lẽ cũng không đúng, vì quyển *Tam tự-kinh* là sách dạy trẻ con khai vỡ lòng, chủ-ý dạy người làm thiện, cho nên lấy câu «tính thiện» để lên đầu sách; còn việc tranh luận lại là vấn-đề khác, chứ không phải chủ ý của quyển *Tam-tự kinh*.

(Còn nữa).

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đón coi số sau ra ngày 1er Février 1945 là số:

XUÂN ẤT-DẬU (1945)

— **Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố** sẽ khảo cứu rất công phu các tục cổ về mùa xuân qua các thời đại với các tài liệu xưa nay chưa ai từng nói tới.

— **Hoa-Bằng** sẽ hiến các bạn một thiên khảo cứu về lịch sử tóc, từ tóc ngoại quốc đến cái tóc của Việt-Nam.

— **Mãn khánh Dương Kỵ** sẽ thiết tha nhắc tới cuộc nam tiến đầu tiên của dân tộc Việt-nam hay là hai xuân oanh liệt danh Chàm trong lịch sử.

— **Kiều-thanh-Quế** sẽ trình bầy phong trào văn học trong năm vừa qua với những nhận xét thành thực và công bằng.

— **Bác-sỹ Lê-văn Ngôn** sẽ hiến các bạn đọc một thiên ký ức về những năm ở Pháp.

— **Nữ sỹ Tuyết tiêu muội** bằng những lời lọ lòng sẽ gửi gắm tâm sự trong lúc bất gặp xuân về.

— **Nữ sỹ Ngân Giang**, với những vần thơ uyển chuyển sẽ mời các thi nhân cùng nữ sĩ lên tiếng họa.

— **Phạm mạnh Phan** sẽ ghi những điều mắt thấy tai nghe trong một thiên phóng sự công phu.

Và nhiều bài khác của:

NHẬT NHAM
CÁCH CHÍ
ĐÔNG HỒ
TIÊN ĐÀM
PHAN VĂN HÙM
TRẦN HUY BÁ
TRÚC KHÊ
VÂN ĐÀI
GIẢN CHI
LÃNG NGÂM TỬ vân vân

SỐ XUÂN ẤT-DẬU SẼ LÀ NƠI HỘI HỌP CỦA CÁC VĂN HỮU BA KỲ

BA NGƯỜI THỢ CẦN MẪN

Số 10

LÊ-THANH

Ô. Nguyễn-khắc-Hiếu

Cũng như các ông Nguyễn văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, ông Tản Đà Nguyễn khắc-Hiếu (1) đã điểm thuyết viết bao làm sách để cổ động cho quốc-văn trong thời kỳ quốc-văn đang thành lập.

Việc sây đắp một nền văn mới tôi sẽ nói sau, bây giờ tôi hãy chỉ nói đến cái công mà ông đối với văn suôi ta.

Ông đã viết: ba *Giấc mộng con*, *Giấc mộng lớn*, *Tỳ bà non nước*, *Trần ai tử kỷ*, ông dịch *Đại học*, *Đàn bà Tàu*, *Đài gương*. Đó là mới kể những văn đã in thành sách. Nếu ta lục những tập báo cũ như *Hữu thanh*, *Đông pháp thời báo*, *An nam tạp chí*, ta còn thấy bao nhiêu công trình đi tác, đã giữ một địa-vị quan trọng trong nền văn chương Việt nam.

Khi Tản Đà thư cục vừa thành lập, ông gom góp những bài tản văn ngắn dài, luận về tình cảm sự đời in thành ấp Tản Đà tản văn. Người phê bình sách vào thời bấy giờ còn ít, cho nên ta không có một dấu vết gì về dư-luận, tôi không căn cứ vào đâu mà định cả giá trị và ảnh-hưởng riêng cuốn sách đó về thời bấy giờ. Tôi chép ra đây mấy lời tựa của ông Dương bá-Trạc.

« Nước ta xưa nay trước thuật thuần dùng chữ Tàu, văn quốc âm chỉ vài văn còn có đôi ba bài mà tản văn bỏ không ra nữa quyển. Mười lăm năm nay sĩ-phu trong nước mới có cái khuynh hướng về văn quốc âm, lấy bút sắt thế bút lông mà dòng trồng mở cờ cùng nhau sau đuổi trên trường bãi-mặc. Giọng Hàn-thuyên, hồn Đại-việt đã lập lòe có một tia lửa sáng xuất hiện trong văn giới hoàn-cầu. Ông Nguyễn khắc-Hiếu Sơn-tây chính là một kiện tướng trên trường bãi mac ấy. »

Một vài nhà phê-bình trước tôi cho rằng văn suôi của ông Tản-Đà không được minh bạch và chính sác, không được thâm thúy như văn ông Quỳnh, dản dị như văn ông Vĩnh.

Người ta có ý chê ông.

Nhưng ông là một thi-sĩ chịu ảnh hưởng của nho học hơn là tây-học. Tuy đã có lần ông nói rằng vì văn suôi, ông nghĩ thế nào viết thế nhưng không nên tin ở ông, ở ông cũng ở phần đông thi sĩ, ý muốn viết cho dản-dị, nhưng cái thi-năng ẩn núp trong ngòi bút bắt ông phải trọng về âm điệu nhẹ nhàng.

Ông ta một cây đàn ngân phím. Khi ông nghiêm nghị chỉnh tề, ông gẩy thanh những khúc nhạc đã đàn, khi ông cầm đàn lơ đễnh vuốt phải sợi sơ, nó cũng nổi lên những điệu đéo dắt.

Vì vậy muốn thưởng thức văn ông, ta không nên tìm những đặc sắc khác cái đặc sắc của nhà thi sĩ làm văn suôi.

Ảnh hưởng của văn suôi của ông có ẽ không mạnh bằng văn của tác ông Quỳnh Vĩnh, nhưng từ 1920 hình như văn ta bắt trước cái lối hành văn của ông cũng nhiều. Những chuyện tiểu thuyết như *Giọt lệ sông Hương* của Tam-lang, *Kiếp hồng nhan* của Nguyễn-công-Hoan có lẽ chỉ là những tiếng dội của lối văn Tản đà.

Nhưng có một điều ta có thể chắc chắn hơn là văn suôi ấy đã có ảnh hưởng rất lớn cho sự đào tạo cái nhạc-năng của các thi-sĩ ở những lớp sau này.

Ta hãy đọc:

« Ông Nã-phá-Luận khi ở đảo Thanh-hy-Liễn mấy giời man mác, nước bể mênh mông tiếng sóng sa tại ngọn cờ khuất mặt, mà tưởng tượng công việc trên mặt đất cõi Âu-châu.

« Bà Chiêu-Quân khi ở đất Hồ, mặt đất cát bay đầu non gió thổi mà nhớ đến cung-điện trốn Trường-An.

Vua Đường Minh-Hoàng khi vào Ba-thục, chuông chùa khua đưa, mây ngàn sớm đuổi mà thương người dưới gốc lê...

Và:

« Thử trèo bức tường dò trông quãng đường sa, mồ con mà lớn, chỗ năm chỗ ba, chẳng quan tai dân, chẳng trẻ thì già, trước cũng người cả bây giờ đã mất! Nào tên nào của, nào cửa nào nhà, nào con nào vợ, nào lợn nào gà nào đâu đâu cả mà chỉ thấy sương mù hằng dãi với mưa sa! Cuộc nhân thế từ xưa mãi thế, lẽ chơi ta phải biết, trăm năm khôn đại dễ ra mà! »

(Đánh bạc)

Ta dừng vội tìm tư-tưởng trong những câu ấy, ta hãy lắng tai nghe cái dư âm của lời ta đọc dàng đó dắt như vang dàn. Và ta hãy bằng lòng nhận lấy thế, thứ nhất là ta còn phải chờ ở ông một sự nghiệp thơ.

Ông Nguyễn Khắc-Hiếu là một bi-sĩ cổ tại.

Người ta nói ông Tản-đà không có tư tưởng, ông không thích suy nghĩ, ông thích mơ mộng, ông thích sống trong cõi mộng lung. Nói vậy không phải là không đúng. Ta cứ giở mấy tập thơ của ông đọc qua mấy đầu đề, ta chỉ thấy nào là nhớ chi bằng cau, nhớ độc giả An-nam tạp chí, nhớ ông Trần Quý, nhớ người không quen biết nhớ người ông đã gặp trong mộng, nào là nói chuyện với gió, với trăng với bóng, ông không bao giờ đem những tư tưởng về nước, về đời, những tài liệu, dứng dắn làm tài liệu cho bài thơ.

Với những câu chuyện sống quá, ông là một thi sĩ thường, nhưng khi ông nói ông nhớ mà không biết nhớ ai ông thương mà không biết thương ai, ông than mà không biết than về cái gì, thì ông là thơ sống, và thơ của ông là chất thơ trong như lọc; với những cảnh tượng không trố rệt, với những hình ảnh mờ mờ, ông vẽ nên những bức tranh tuyệt bút, với những tư tưởng lảng lảng, với những cảm giác mơ màng, ông làm nên những cẩm thơ tuyệt mỹ:

« Lá đào rơi rắc lối Thiên-thai
Suối tiên, oanh đưa, những ngậm ngùi
Nửa năm tiên cảnh
Một bước trần ai.
Bước chi duyên thừa có thế thôi.

Thống-chế Pétain đã nói:

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm biểu lộ tinh thần của giống nòi bằng lời, nói, cử chỉ, cách làm việc tài bằng kiến và chí phát minh.

Đá mòn rêu nhạt,
Nước chảy, hoa trôi
Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ đây xa cách mãi
Cửa động
Đầu non,
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi »

(Tống biệt)
Tản đà vận văn II.

Và:

« Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi không về cùng non
Nhớ lời nguyện nước thề non
Nước đi chưa lại non còn đứng không,
Non cao những ngóng cùng trông
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày
Xương mai một mảnh bao gầy;
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương
Giời ơi chiếu bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi pha
Non cao tuổi vẫn chưa già.
Non thề nhớ nước, nước đà quên non
Đá như sông cạn đá mòn.
Còn non còn nước hãy còn thề xưa
Non xanh đã biết hay chưa
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia đã hãy còn đi
Ngà dâu xanh tốt non thì cứ vui,
Nghìn năm dao nước kẻ đôi
Non non nước nước khôn nguôi lời thề »

(Thề non nước)

Ông Tản Đà là một thi sĩ có chân tài.

Ông là một nhà làm báo có tinh tưởng và kiên nhẫn. Nhưng có một quan điểm nó làm cho lịch sử sẽ phải nhắc đến ông luôn là cái công của ông đối với nền thi-ca hiện-đại.

Từ khi Tụ xương qua đời, để lại một chỗ trống lớn bên chúng ta ông Tản đà là thi sĩ độc nhất của chúng ta. Nói thế không khỏi có người phản đối rằng hãy giở vài tạp chí Đông-dương và Nam phong mỗi kỳ người ta được ngắm bàng trang thơ quốc văn, những thơ ấy đâu phải ký ấu Nguyễn khắc Hiếu cả. Vâng, nhưng ở những tạp-chí ấy người ta có thể lấy thơ ra kết thành đống, nhưng đó chỉ là những cái sắc không bền, có đâu được những bài thơ, thơ như thơ Tản đà.

Ông Tản đà là người thứ nhất và là người độc nhất của cái thế-hệ ông — cái thế hệ những nhà nho sống vào buổi giao-thời đã làm sống lại cái hồn thơ Việt-nam đang lấp-lối.

Ông ra đời làm cho chúng ta một thi-sĩ thành thực dám ca hát bài đời sống của lòng. Ông đã mơ mộng, đã chán đời, thiết tha với đời một cách tự do. Ông đã dám ngông, dám có một bản ngã, dám công nhiên để cho cái trữ tình mê man của mình dài trong văn thơ.

Ông đã dám sống một đời thi sĩ và đã dám có một tâm hồn tài sĩ.

Thơ của ông là tiếng nói đủ đáng trong trẻo của nàng thơ Việt nam, là tiếng dội của hầu hết các tâm hồn Việt nam đang héo lá, đang chờ một thi sĩ cũng có cái tâm hồn như mình, và biết ca những mơ tưởng của mình.

Vì thế văn thơ của ông đã được đặc biệt hoan nghênh. Từ khi những tập *Khối tình* ra đời, trông khi đâu tất cả đều quay đầu lại ngôi sao sáng của ông để ngắm nghía và chịu ảnh hưởng. Ngày nay, tuy rằng đã có bao nhiêu ảnh hưởng khác vừa mới lạ vừa mạnh mẽ xuất hiện để tranh đánh sự hơn kém nhưng chưa chắc đã làm nhạt được cái ảnh-hưởng của thơ Tản-Đà

Cái công của ông trong việc xây cái nền móng thi ca cũng như cái công của hai ông Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh trong việc xây cái nền tư tưởng và văn suôi. Sau này nếu văn-học của ta được trở nên phong phú, có một quyển sử văn-học, nói về thời kỳ biện-đại, cái tên của ông, cũng như cái tên của hai « người thợ cần mẫn » kia phải được đặt lên một trang danh-dự bên tên những người tiên phong khác đã chiến đấu cho sự sống còn của tiếng Nam ta, « cái bè lau để cứu với bon ta trong bể trầm luân vậy ». (hết)

LÊ-THANH

---

1) Ông Tản đà Nguyễn khắc-Hiếu sinh ngày 29 tháng tư năm Thành-thái nguyên-niên (1888), quán làng Khê thượng huyện Bất bạt, Sơn tây

Ông vốn giòng giõi quyền quí, từ sớm đã thừa hưởng được cái nghiệp ngâm vịnh của tiền nhân (ông thân sinh là Nguyễn danh kế làm quan với Triều Nguyễn).

Thuở nhỏ cậu ấm Hiếu, cũng như các con quan khác được đắc chuốt ở cái khuôn học văn Khổng Mạnh. Từ năm tuổi đến 20 tuổi, theo học khoa cử, khoa thi trường Nam, nhưng hỏng. Tuyệt vọng cậu ấm ra đi lang thang nay đây mai đó, lấy cái thú văn thơ để dưỡng tinh tình.

Sau về học trường Qui thức, nhưng với cái đó phóng túng lãng mạn, nhà thơ không theo học đến cùng, về Nam định làm việc sưu tập văn thơ cổ, dịch sách tàu in thành sách

Ông lần lượt xuất bản khối tình lon, giấc mộng con khối tình bản chính, khối tình bản phụ, Đài gương Lên sáu Lên tám Thề non nước.

Năm 1921, ông đùng chủ bút hữu thanh, dịch Đại học Kinh thi.

Năm 1925 xuất bản An nam tạp chí, mấy lần đình bản mấy lần tái bản, mỗi lần ra kinh doanh là một lần thất bại

Ông đem gia đình về Khê thượng, tính việc dịch sách cho mấy nhà xuất bản và in dần những văn thơ đã làm từ trước nhưng công việc chẳng ra sao, ông ra Quảng yên rồi về Hà đông để tiện việc giao dịch với các báo, trở lại làm ăn bằng cần bút. Ông dịch thơ cổ, Liêu trai trí dị chú thích quyển Vương thủy Kiều.

Ông từ trần ngày mồng bảy tháng sáu năm 1939 ở Ngã tư sở Hà đông.

GIỚI THIỆU

I — *Thủy Mỗ* (I) của Trần tuấn Khải dịch-Anh hoa xuất bản giá 3$00.

II — *Những nét hùng* (thơ) của Hoàng Yến — Tín Đức thư xã ấn hành — giá 4$50.

III — *Nam kỳ lục tỉnh địa dư chí* của Thượng tân Thị dịch đăng Đại Việt tạp chí số 50-51-52

IV — *Boussole de l'information politique* của Gouvernement général.

V — *Hợp lý hóa* của Lê văn Siêu — Hàn Thuyên xuất bản giá 6$50.

VI — *Thượng chi văn tập* (IV) của Phạm Quỳnh — Alexandre de Rodes xuất bản — giá 7$00.

VII — *Lỗ Tấn* của Đặng thái Mai — Thời Đại xuất bản giá 6$.

VIII — *Hơi thở tàn* của Nguyễn Hồng — Thời Đại xuất bản — giá 6$00.

IX — *Tùng-thiện-vương* (tiểu sử và thi văn) của Ưng-Trình, do nhà in Nam Việt, Nam-định in, giá 10$00 là cuốn sách nói về thân-thế cùng thi-ca của một vị hoàng-tử hay thơ vô triều Nguyễn

X — *Hát thượng Lãn ông với nghề thuốc* của Lê Ngọc Vũ — nhà xuất bản « Quốc Văn », không đề giá

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn

T. T.

ĐANG IN LẦN THỨ 2 :

LÀM BẾP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang. Có thêm nhiều bài mới lạ. In có hạn. Xin trả tiền trước. Không gởi lĩnh hóa giao ngân.

**Giá 10$** *cước phí 1$*

Nhà xuất-bản Phụ - Nữ phát hành Thư và mandat đề cho :

Bà ĐÀO THỊ MINH

113 Duvillier — Hanoi

DƯƠNG-MINH-ẤP

Chirurgien dentiste diplôme F.M.H. 8 Avenue Puginier gần vườn hoa cửa nam

HANOI

Chuyên trị chữa răng và miệng

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 5)

dương cờ xí, tề chỉnh đội ngũ, treo gươm giáo ở trước thần-vị, đọc lời thề rằng: « Vô tử bất thiếu, vô thần bất trung, thần-minh cức chi », nghĩa là « Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thần minh giết chết ». Các bày tôi từ phía đông đi vào, qua bài-vị thần, uống máu tam sinh, đọc lời thề. Hàng năm cứ đến ngày ấy là ngày ăn thề, người nào trốn thề bị tội năm mươi trượng. Sau vì tháng ba có quốc-húy (tức là ngày kỵ Lý Thái-tổ, lui ngày thề ấy đến mồng bốn tháng tư (*Đại-Việt sử ký toàn-thư*, q. 2, tờ 13 a).

Cùng trong tháng ba, « Khai-quốc-vương tên Bồ làm phản. Nguyên năm thứ tư hiệu Thuận-thiên (1013), tháng sáu, Lý Thái-tổ phong hoàng-tử Bồ làm Khai-quốc-vương, cho ở phủ Trường-yên. Bồ ở đấy cậy có núi sông hiểm trở bền chặt, nhân tụ họp những đứa vong mệnh (trốn-tránh) để cướp bóc của tiểu dân. Lý Thái-tổ không hề biết đến, thành ra nuôi cái ác cho hắn. Đến năm 1028 nghe vua Thái-tổ đã mất, Vũ-đức-vương bị giết. Bồ càng bất bình, tự họp quân-chúng làm phản.

Đến tháng tư, vua Thái-tông cho nội-thị là Lý Nhân-nghĩa ở giữ kinh-sư Thăng-long, rồi tự tướng đi đánh Trường-yên. Ngày nhâm-thân quân đến Trường-yên, Khai-quốc-vương Bồ xin hàng, Thái-tông y cho, hạ lệnh rằng: « Nếu quân sĩ nào cướp bóc của-cải của tiểu-dân thì chém ngay ». Vì thế quân đi rất nghiêm, một sợi tơ một cái tóc không phạm. Quân nhà vua vào đến thành Trường-yên, dân trong thành tranh nhau đem dâng trà và rượu, vua sai sứ đi chỉ yên ủi, cả thành đều vui vẻ đẹp lòng, ban chiếu đời phủ Khai-quốc-vương và hiệu thuộc về kinh-đô Thăng long, tha tội Khai-quốc-vương và cho phục lại tước cũ (*Đại-việt sử-ký, toàn thư*, q 2, tờ 14 b và 15 b).

Ngày sáu tháng năm, tháy có dấu thần ở chùa Vạn-tuế, quần-thần dâng biểu nói rằng: « Thái tử là gốc của thiên-hạ, gốc vững thì thiên-hạ yên, xin Bệ-hạ sớm chọn hiền-tự (con hiền nối ngôi) chính vị đông-cung, để yên cái lòng trông mong của thiên-hạ ». Vua nghe theo, sách phong hoàng-tử Nhật-Tôn làm Đông-cung thái-tử (*Khâm định Việt-sử*, q. 2, tờ 31 a

Lập bảy hoàng-hậu (sử không chép rõ tên hiệu các hoàng-hậu), phong Mai-Hựu (sinh ra Mai hoàng-hậu) làm an-quốc thượng-tướng Vương Đỗ (sinh ra Vương hoàng-hậu) làm Phụ-quốc thượng-tướng, Đinh-Ngô-Thượng (sinh ra Đinh hoàng-hậu) làm Khuông-quốc thượng-tướng (*Đại-việt sử-ký, toàn thư*, q. 2, tờ 15 b).

Phong Lương-nhâm-Văn làm thái-sư, Ngô-thượng Đinh làm thái-phó, Đào-xử-Trung làm thái bảo, Lý-Đạo Kỷ làm tả-xu-mật, Lý-Triệt làm thiếu-sư, Sùng-Tân làm hữu-xu Mật, Lý-Mật làm tả-tham tri chính-sự, Kiều-Bồng làm hữu-tham tri chính-sự, Liêu Gia-Trình làm trung-thư thị-lang, Hà-Viễn làm tả gián nghị đại-phu, Đỗ-Sâm làm hữu-giám-nghị đại phủ, Nguyễn Quang-Lợi làm thái-úy, Đàm Toái-Trạng làm đề-phông Vũ-bá-Tư làm Uy-vệ-thượng-tướng, Nguyễn-Khánh làm định-thắng đại-tướng, Đào Vận-Lôi làm tả-tâm phủ, Lý nhân-Nghĩa làm hữu-tâm-phủ, Phan Đường-Lộc làm nội thị (*Đại-Việt sử ký toàn thư*, q 2, tờ 16 a-b).

Định phẩm trật các tăng đạo. Đặt mười vệ cấm quân: 1 là vệ Quảng-thánh, 2 là vệ Quảng-vũ, 3 là vệ Ngự-long, 4 là vệ Bồng-nhật, 5 là vệ Trùng-hải, mỗi vệ lại đặt ra tả hữu, chầu chực ở trong cấm-thành (*Khâm định việt sử*, q. 2, tờ 32 a).

Ngày hai mươi sáu tháng sau là ngày dần, vua Lý Thái tông lấy ngày ấy làm tiết thiên thành cần trúc kết làm núi vạn thọ Nam sơn ở sẵn rồng. Núi có năm ngọn: ngọn giữa gọi là Trường thọ sơn, hai bên tả hữu bốn ngọn, gọi là Bạch hạc sơn, trên núi làm rất nhiều hình dáng chim bay thú chạy, sườn núi thấp thoáng cảm cờ tinh cờ lý treo lẫn những sắc vàng biếc, lại sai người phường chèo nấp ở trong hang núi, tiếng sáo, gỗ sênh, dâng hát múa nhạc làm vui, ban yến các quần thần: cách thức làm núi ngũ phong bắt đầu từ đấy (*Khâm định việt sử*, q. 2, tờ 32 a b).

Đến tháng mười táng Lý Công-Uẩn phủ Thiên đức gọi là Thổ-lăng, thụy là thần-vũ hoàng-đế, miếu hiệu Thái-tổ (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 17 a).

(Còn nữa)

Ưng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« *Khiến nhân tổng An-Tư Công-chúa*
ca Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mấn thân

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Số 24

Một hồi trống đánh vang trong thung lũng. Thượng hoàng, vua Thiệu-bảo và Quốc-công tiếp ngựa đi ra, theo sau là Tả-thiên vương Đức Việp, Chiêu văn vương Nhật Duật, Đại tướng Lê phụ Trần, cùng nhiều các quan văn võ khác. Các vị tiến ra đứng trước ngọn cờ đại. Ánh sáng của binh minh, càng làm cho gươm giáo sáng lóa giáp trụ tề chỉnh, và tinh kỳ thêm sặc-sỡ.

Hưng-đạo vương có dáng phấn-khởi võ bơn xưa, và gạt lẩn đi. Vậy mà không bao giờ quân sĩ thấy chủ tướng đẹp như hôm ấy, họ mỗi nhìn người có cái gan sắt đá, lạnh lùng trước những ngày bến gớm ghê.

Rực rỡ nhất là quân tứ thiên tứ thánh, tứ thần, đoàn chính thức của Triều đình, quân Quản-thánh-Dực do đại tướng Nguyễn-Thực trông nom. Kém oy phong, nhưng nhanh nhẹn hơn là nghĩa binh của các vương hầu: người ta chú ý đến bộ thắc của Chiêu-văn vương, gồm người tứ xứ, cả người Mán, người Lào, người Chàm, người Trung quốc, một đạo binh kỳ quặc và nhiều màu sắc. Lánh hẳn ra một nơi là Đoàn Tinh-cương của Chiêu-Thành vương, Đoàn 600 võ đồng của Hoài vân hầu, hai đạo quân trẻ nhất và tráng nhất. Những bộ ngũ còn sót lại của những tướng đã qua đời như Hưng đức hầu, Nhân-đức hầu, Bảo-nghĩa vương, đều mang khăn trắng và tổng thành một đạo quân mảng. Đối với những đạo quân kia, họ trông ủ rũ, ảm thầm, tinh thoảng họ lại nhìn lên lá cờ trắng mà họ đã nêu bốn chữ: « Sát Tát — Phục thù ».

Theo hiệu cờ lệnh trong tay Quốc-công, cơ nào đội ấy theo thứ tự mà đi, rồi theo hiệu cờ lại trở về chỗ cũ muôn vạn người như một; lúc động nhẹ như gió, khi tĩnh im lìm như một tòa thành. Từ sáng tới trưa, đoàn anh dũng tỏ rõ trước mặt Quốc công một kỷ luật gang thép, một sự am tường chiến pháp đến triệt để. Chiều đến trong quân lại tổ chức những cuộc đấu võ, đánh vật, múa binh khí, thi chạy nhảy, so bắn tên.

Xem những cuộc biểu diễn, ngắm bắp thịt nở nang của những lực sĩ, vua Thiệu-Bảo rất lấy làm khâm phục Hưng-đạo vương và nói:

— Luyện tập mà được đến thế, thực là công phu vô cùng. Trẫm xem khí thế quân sĩ, lấy làm rụng tâm, không lo ngại như trước nữa.

Hưng-đạo tâu:

— Quan-gia ban khen, lão phu rất lấy làm cảm khích. Nhưng thực sự ra, quân ta có cái khí thế như ngày nay, trên là nhờ uy vũ của Quan-gia, dưới là do lòng phẫn nộ của tướng sĩ; Sĩ khí không có thì lão phu tốn công cũng bằng vô ích. Lão phu xét mình, thực không có công đức gì. Dân tâm dâng lên như sóng, mình chẳng qua chỉ là một kẻ ngồi trên thuyền thuận lái mà đi đó thôi...

Đương lúc trong suốt cõi Thanh hoa, thổ nào người ta cũng chỉ nói đến sự khôi phục nay mai, thì chợt có thư của Chiêu-minh vương báo tin Toa Đô không đánh nổi Nghệ-an đã kéo binh thuyền ra bắc để hợp sức với Thoát Hoan. Vua hỏi:

— Nay Quốc công định sao?

— Lão phu dự liệu tất có việc này. Toa Đô vượt biển leo non, qua vùng Hoan, Ái, đường-xá gập ghềnh, quân sĩ tất là mỏi mệt lắm rồi. Nay phải kéo quân ra, thì thế lực đã cùng. Cứ như ý lão phu, ta nên sai một tướng dẫn binh thuyền ra chặn đường Toa Đô, dĩ dật đãi lao, thế nào cũng được.

— Quốc-công bàn rất phải. Nhưng liệu ai có thể đi được?

— Cớ khôi phục được hay không, là ở trận này cả. Cứ như ngu ý, chỉ có Chiêu-văn Vương cáng đáng được.

— Chính trẫm cũng có ý ấy.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Tài liệu để đính chính

(Tiếp theo trang 7)

Kim Vân Kiều chú chép « Thương nhau sinh tử đã nhiều, Với nhau còn chút bấy nhiêu là tình ».

Câu « Chừng xuân tơ-hiếu còn xanh, Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái-ân », quốc-ngữ cũ (tr. 190) và phường bản chép là « Nghĩ sao chẻ thoát ... »

— Cả bản nôm đều viết : « Thêm nến sa nối hương bình Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao-hoan ». Chữ « chuốc » hai bản quốc-ngữ viết là « chúc » thì không đúng vì chữ « chuốc » là chữ nôm, kinh bản viết chữ « khẩu » bằng chữ « cốc » mới đúng. Các bản nôm khác viết chữ « chúc » cũng được, nhưng đọc ra nôm phải đọc là « chuốc ». Quốc-ngữ mới (tr. 759) in nhầm là « giao loan », chính là « giao-hoan » mới phải.

— Câu « Tẻ vui bởi tại lòng này, Hay là khổ tận đến ngày cam lai ? », Kinh bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Thương vì ».

— Đến câu dưới « Nàng rằng Vì chút nghề chơi, Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu », phường bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Vì chút hay chơi »

Câu « Một phen tri kỷ cùng nhau », kinh bản chép là « mừng nhau »

— Đến câu « Truyện trò chưa cạn tóc-tơ, Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông », kinh bản chép là « Gà vừa gáy sáng ... ».

— Các bản đều viết : « Tình riêng chẳng lại nổi sòng, Một nhà ai cũng lạ-lùng khen-lão ». Quốc ngữ mới (tr. 765) chép là « khen khão » thì không phải nghĩa, vì câu này là Kim Trọng nói thật họ cả nhà biết Thúy-Kiều lấy « tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ », cả nhà đều khen ngợi, cho rên hiền cầu dưới có chữ « thục nữ hi cao ». Còn như « khen khao » thì không hợp vào đoạn hay.

— Câu « Nàng vì chút nghĩa bấy lâu, Trên ân cứ giữ bương dầu bôn mai », phường bản, *Kim Vân Kiều chú* và *Vương Kim diễn tự* đều chép « Nặng vì chút nghĩa xưa sau ... ».

Câu « Lối quê góp nhặt đàng dài, Mua vui cũng được một vài trống canh », quốc-ngữ mới (tr. 772) chép là « chắp nhặt », kể cũng có nghĩa, nhưng không cùng bằng chữ « góp nhặt ».

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Một buổi họp mặt của các nhà xuất bản

Vì đường giao thông bế tắc, một số lớn sách của các nhà xuất-bản ở đây bị đình-trệ hẳn, không thể gửi được vào Trung và Nam. Thực là một mối nguy lớn cho các nhà xuất-bản, mà cũng là một sự ngăng trở cho công cuộc phổ thông nền văn học nước nhà.

Vì vậy ông Dương Văn-Mận giám-đốc nhà xuất-bản C I P I C., hôm vừa đây có ý kiến triệu tập hết thảy các nhà xuất-bản trong một tiệc trà thân mật tổ chức tại nhà riêng của ông.

Một số đông các nhà xuất bản đã hoan-nghênh lời dự cùng với một số nhà văn, nhà báo.

Ngoài việc giải quyết vấn-đề gửi sách vào Nam, các nhà xuất-bản còn bàn tới nhiều vấn-đề cần thiết giữa nhà văn, nhà xuất-bản và các đại-lý bán sách.

Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ Nam-kỳ khai-giảng lớp học

HỘI TRUYỀN-BÁ QUỐC-NGỮ đã bắt đầu hoạt-động

Từ thứ sáu 15-12 1944 đã có 3 trường học mở ở địa-phương Sài-gòn Chợ-lớn có quan Giám-đốc nha-học-chánh Nam-kỳ Peracca tới dự.

Khởi đầu ông Mai-hữu Văn Vĩ đã giải những hành động của hội, những thành-tích mà hội đã thâu nhận về hội-viên (1800 người) giáo viên (150 người) và chi-nhánh (6 chi-nhánh ở lục-tỉnh trong vòng 3 tháng.

Qua ngày thứ hai 18-12 1944, một khai giảng lại trường khác ở trường « Nguyễn-Trí-Tiến (Khánh-Hội) và Phạm-Trần (Cầu kho)

Cũng như hai hôm trước lễ khai mạc đầy vẻ long trọng nghiêm trang.

Dự lễ khai-giảng 5 trường học đầu tiên của hội chúng tôi nhận thấy mấy điều đáng :

1°) Số học-trò tự mình tới xin học nhiều hơn số hội-viên thâu nhận.

2°) Mấy lớp học có phải chỉ học đối với số 470 học trò.

3°) Các giáo-viên toàn là bạn thanh-niên tình-nguyện giúp hội.

4°) Học trò là một hạng đặc-biệt, luyến lẫn những người lao-động.

Đó là điều đáng mừng và Hội Ý. B. Q. N. Nam-kỳ đã thâu hoạch được một thành-tích vẻ vang ở bước đầu.

I. T. U. D.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p00 một vé

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Mới có bán

NGÃ BA

truyện dài của Lê mộng Cầu

giá 5$50

Tả tâm trạng một thanh niên ngoài hai mươi tuổi băn khoăn trước tình thế hiện tại cố gắng đi tìm lý tưởng chính đáng cho đời sống.

Đã xuất bản

Trong tủ sách « NGÀY MỚI »

Văn Học và triết luận

của bn Mộng Sơn (hết)

Văn Chương và Xã Hội

nghiên cứu của Lường đức Thiệp — giá 2$50

Khổng giáo với ông Đào duy Anh

của Nguyễn uyển Diễm — giá 4$00

Viết và Sống

của Ngô xuân Huy — giá 4$00

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Đang in sắp xong

ĐÀO DUY TỪ'

(Một bậc đệ nhất công thần đời Nguyễn Sơ)

Sự nghiệp và văn-chương

Sách khảo-cứu rất công phu của

Khái Sinh Dương Tụ Quán biên tập

Dày 200 trang — Giá bán :

hạng giấy hảo hạng dày 2o$ (có 2o q. thôi)

hạng giấy thường 1o$

hạng giấy bản tốt 5$

Ai g'i mua có kèm mandat trước th phải chịu cước phi

dễ cho sách Đông Tây, 195, phố Bi — HANOI

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm xuân-Đô phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng hữu-Xứng và A de R

Bình-phẩm cuốn này, Cô Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm...» dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50

bản giấy Đại-la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, R e des Pipes — Hanoi

Mới có bán

HA TRI

(khảo cứu về thả ... ai ... ỗ Tấn ; phụ thêm AQ chính truyệ ... khác của nhà danh sĩ Trung hoa

Giá : 6 $ 00

HƠI THỞ TÀN

một tác phẩm kiệt tác

của Nguyễn-Hồng *Giá : 6 $ 00*

Còn một số ít

VANG BÓNG MỘT THỜI

của Nguyễn-Tuân 5 $ 00

NGẬM NGẢI TÌM TRĂNG

của Thanh-Tịnh 2 $ 00.

Đang in

NGUYỄN *Nguyễn-Tuân*

G I HƯƠNG CHỢ GIÓ *Xuân-Diệu*

TRƯỜNG CA *Xuân-Diệu*

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ *Hoàng-đạo Thúy*

(In lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

214 Hàng Bông — HANOI

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi